

PHỤ LỤC

**Kết quả thẩm tra các Báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình Kỳ họp thứ 5, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII**

Tại Kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Ban Kinh tế - Ngân sách được phân công thẩm tra **24 nội dung**, trong đó: có 03 Báo cáo và 21 dự thảo Nghị quyết. Cụ thể như sau:

| TT       | Kiến nghị, đề xuất của Ban KT-NS qua thẩm tra  | Ý kiến tiếp thu của Ủy ban nhân dân tỉnh  | Ý kiến của Ban KTNS về nội dung tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh |
|----------|--|---|--|
| 1        | <b>Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023; Dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2023</b>  |   | Thông nhất   |
| <i>a</i> | <i>Về Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023</i>   |   |  |
|          | Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản tán thành với dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó một số nội dung đề nghị báo cáo làm rõ:<br>- Báo cáo làm rõ nguyên nhân tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2023 đạt tỷ lệ thấp (6,8%) so với cùng kỳ năm trước (9,69%). | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b><br>Về nguyên nhân nhân tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2023 đạt tỷ lệ thấp (6,8%) so với cùng kỳ năm trước (9,69%): Do ảnh hưởng từ tình hình kinh tế thế giới với nhiều khó khăn như lạm phát vẫn còn cao, chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều nước, nhu cầu toàn cầu giảm sút, cuộc xung đột Nga-Ukraine... có tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam. Hậu quả của dịch Covid-19 để lại hết sức nặng nề. Các doanh nghiệp cũng như nền kinh tế đã phải gồng mình chống chịu trong thời gian qua, năng lực đã bị bào mòn đáng kể, nay lại bị chịu tác động bởi nhiều yếu tố mới làm cho khó khăn lại càng khó khăn hơn. Mặt bằng lãi cho vay của các ngân hàng cao dẫn đến việc doanh nghiệp khó khăn về |  |

|  |  |   |  |  |
|--|--|---|--|--|
|  |  |   | <p>nguồn vốn, trong khi đó giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc mở rộng quy mô đầu tư. Thu ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là do ảnh hưởng từ thị trường bất động sản dường như đóng băng, không đảm bảo nguồn thu tiền sử dụng đất để bố trí cho các dự án. Giải ngân vốn đầu tư công, một động lực tăng trưởng vô cùng quan trọng trong bối cảnh hiện nay, tuy nhiên vẫn chưa có cải thiện đáng kể do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan.</p> <p>- Theo số liệu dự báo của Tổng cục Thống kê, tăng GRDP tỉnh Kon Tum 6 tháng đầu năm ước đạt 6,8%, xếp thứ 23/63 tỉnh thành và cao nhất trong Khu vực Tây Nguyên. Mặc dù không đạt được mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ, tuy nhiên qua đánh giá, trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước với những kết quả mà tỉnh Kon Tum đạt được trong thời gian qua là đáng ghi nhận. Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nhằm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP trong năm 2023</p> |  |
|  |  | <p>- Qua theo dõi, việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện vẫn còn chậm, chưa được khắc phục, gián tiếp ảnh hưởng tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư khởi công mới trong năm 2023. Đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân, giải pháp khắc phục.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b></p> <p>Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện vẫn còn chậm phê duyệt nguyên nhân là do: Một số huyện thành phố còn chậm trễ trong công tác hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt sau khi có ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc rà soát các danh mục cần thu hồi đất để cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của các huyện thành phố còn bất cập chưa phù hợp với danh mục dự án đã đăng ký trong cả kỳ quy hoạch 10 năm dẫn đến tình trạng hồ sơ phải trả đi trả lại nhiều lần. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tiến độ trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Theo đó, đến thời điểm hiện tại Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 10/10 Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.</p>  |  |
|  |  | <p>- Hiện nay, tiến độ giải ngân kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đạt tỷ lệ thấp, việc chậm hoàn thiện thủ tục đầu tư dự</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b></p>  |  |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>án dẫn đến việc chậm giao bổ Kế hoạch vốn, triển khai thực hiện đầu tư, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p> | <p>Giải ngân kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, nguyên nhân do nhiều nội dung, hoạt động, dự án, tiểu dự án thuộc các chương trình đến nay chưa có hoặc mới có quy định, cơ chế, hướng dẫn thực hiện của Trung ương (<i>Trung ương chưa ban hành quy định về cơ chế dùng vốn đầu tư công hỗ trợ trực tiếp cho chính sách nhà ở, đất ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1 (Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt); Bộ Thông tin và Truyền thông mới ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 5 năm 2023 hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10;...</i>) hoặc một số nội dung địa phương không có nhu cầu, đối tượng để triển khai thực hiện theo quy định hoặc dự toán được Trung ương giao cho địa phương cao hơn so với nhu cầu thực tế (<i>Không có nhu cầu thực hiện nội dung “Hỗ trợ chuyển đổi nghề” thuộc Dự án 1; không có đối tượng đáp ứng theo quy định để triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 (Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), Dự án 5; nhu cầu triển khai thực tế thấp hơn so với dự toán được giao (các nội dung thuộc Tiểu dự án 1 (Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân), Dự án 3; Tiểu dự án 3 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi), Dự án 5);...</i></p> <p>Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các cơ quan Trung ương đang khẩn trương hoàn thiện, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung các thông tư, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, việc này đã và sẽ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; cùng với việc rà soát, điều chỉnh các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước, kế hoạch đầu tư công</p> |  |
|--|--|---|--|

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch thực hiện các chương trình năm 2022, 2023 (đang trình đồng thời tại Kỳ họp thứ 5, Hội đồng nhân dân tỉnh), sẽ tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương hoàn thiện các thủ tục đầu tư, dự toán chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao.</p> |  |
|  | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ đạo các cấp, các ngành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra.</li> <li>- Tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế; tích cực thu hồi nợ thuế; điều hành chi ngân sách bám sát dự toán, tiết kiệm, hiệu quả.</li> <li>- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đầu tư công; đảm bảo công khai, minh bạch trong đấu thầu dự án. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định phê duyệt đầu tư dự án, công trình, chương trình đảm bảo cân đối, lồng ghép đủ vốn thực hiện, hạn chế thấp nhất việc điều chỉnh chủ trương đầu tư.</li> <li>- Đẩy nhanh tiến độ trồng rừng theo kế hoạch; khắc phục những hạn chế bất cập trong công tác quản lý, bảo vệ rừng theo kiến nghị của các Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>1</sup>, đồng thời theo dõi, chăm sóc đối với những diện tích đã thực hiện đảm bảo tỷ lệ cây sống ở mức cao nhất.</li> <li>- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên</li> </ul> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung trên trong thời gian đến.</p>  |  |

<sup>1</sup> Giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh.

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>lĩnh vực quản lý đất đai, khai thác khoáng sản, tài nguyên môi trường. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ công tác quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án đầu tư. Chỉ đạo các địa phương bố trí kinh phí để thực hiện việc đo đạc chính quy, đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chấn chỉnh công tác quản lý, cấp phép khai thác cát, sỏi lòng sông; Rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, điều chỉnh, bổ sung, loại bỏ những điểm mỏ không còn phù hợp. Đơn giản quy trình cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, tạo điều kiện các địa phương sử dụng nguyên vật liệu tại chỗ đầu tư các công trình thuộc các Chương trình MTQG.</li><li>- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch, tiêm chủng vắc-xin cho những nhóm có nguy cơ mắc bệnh và tiếp tục truyền thông để người dân có ý thức phòng, chống dịch; kiểm soát chặt chẽ việc mua, sử dụng thuốc, vật tư y tế cho phòng, chống dịch theo đúng quy định. Hiện nay, với việc Trung ương thông báo chuyển bệnh COVID-19 từ nhóm A sang nhóm B cho thấy bệnh đã được kiểm soát, tuy nhiên đề nghị chỉ đạo cơ quan y tế không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó với các đại dịch có thể xảy ra và dịch COVID-19 có thể quay lại.</li></ul> |  |  |
|--|--|--|--|

|          |   |   |  |
|----------|---|---|--|
|          | <p>- Chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, nhất là việc giao và giải ngân vốn ngân sách trung ương năm 2023; kịp thời hướng dẫn các sở, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện tránh trùng lặp các nội dung, nhiệm vụ theo từng Chương trình. Bên cạnh đó, rà soát các quy định có liên quan, xây dựng và trình cấp thẩm quyền ban hành các chính sách về cơ chế lồng ghép nguồn vốn, cơ chế huy động các nguồn lực,... thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, trao quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về đất đai, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã.</p> <p>- Kịp thời tháo gỡ, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm 2023. Đồng thời chỉ đạo giải quyết các kiến nghị qua giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo cụ thể kết quả giải quyết về các cơ quan giám sát.</p> |   |  |
| <b>b</b> | <b><i>Dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2023</i></b>  |   |  |
|          | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh,   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, ngay sau khi Tỉnh ủy thông qua Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị 6 tháng cuối năm 2023, Ủy ban nhân dân |  |

|  |  |   |   |  |
|--|--|---|---|--|
|  |  | <p>xây dựng Đảng và hệ thống chính trị 6 tháng cuối năm 2023. Đồng thời chỉ đạo, rà soát điều chỉnh số liệu tại Báo cáo và một số nội dung giải pháp tại dự thảo Nghị quyết để đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p> | <p>tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát điều chỉnh số liệu tại Báo cáo và một số nội dung giải pháp tại dự thảo Nghị quyết để đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về báo cáo kinh tế - xã hội: Điều chỉnh số liệu ước thực hiện tổng vốn đầu tư toàn xã hội 6 tháng đầu năm từ 12.231 triệu đồng thành 12.442 triệu đồng; điều chỉnh số liệu diện tích trồng mía từ 961 ha lên 1.115 ha. Điều chỉnh tăng số liệu chỉ tiêu thực hiện 6 tháng cuối năm đối với ngành du lịch (tổng lượng khách du lịch tăng từ 343.600 người lên 550.000 người; khách quốc tế từ 3.484 người lên 7.000 người; khách nội địa 340.116 người lên 543.000 người); Phấn đấu trồng mới 200 ha cây cà phê xứ lạnh; điều chỉnh số liệu diện tích trồng mía từ 1.093 ha xuống còn 885 ha.</li> <li>- Về Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Trên cơ sở Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và ý kiến của Ban kinh tế ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, cập nhật và hoàn thiện lại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó, bổ sung một số nội dung như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tập trung mở rộng vùng nguyên liệu mía tại thành phố Kon Tum và các huyện lân cận có điều kiện về đất đai, giao thông thuận lợi; khôi phục và phát triển cây cà phê xứ lạnh. Đẩy nhanh tiến độ trồng rừng theo kế hoạch, đồng thời theo dõi, chăm sóc đối với những diện tích đã thực hiện đảm bảo tỷ lệ cây sống ở mức cao nhất; khắc phục những hạn chế bất cập trong công tác quản lý, bảo vệ rừng đã được Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ ra.</li> <li>+ Xúc tiến kêu gọi đầu tư, trọng tâm là kêu gọi, thu hút đầu tư các nhà máy chế biến: Gỗ, trái cây, Sâm Ngọc Linh và dược liệu khác, sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp...</li> <li>+ Chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, nhất là việc giao và giải ngân vốn ngân sách trung ương đã được cấp thẩm quyền phân bổ; kịp thời hướng dẫn các sở, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện tránh trùng lặp các nội dung, nhiệm vụ theo từng Chương trình. Bên cạnh đó, rà soát các quy</li> </ul> </li> </ul> |  |
|--|--|---|---|--|

|          |  |  |                   |
|----------|--|--|-------------------|
|          |  | <p>định có liên quan, xây dựng và trình cấp thẩm quyền ban hành các chính sách về cơ chế lồng ghép nguồn vốn, cơ chế huy động các nguồn lực,... thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.</p> <p>+ Bỏ nội dung: Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông 2023 tại tỉnh.</p>   |                   |
| <b>2</b> | <b>Báo cáo thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023</b>   |  | <b>Thống nhất</b> |
|          | <p>* Một số nội dung Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị báo cáo làm rõ:</p> <p>- Theo báo cáo ước thực hiện thu 6 tháng đầu năm 1.838.000 triệu đồng<sup>(2)</sup>, đạt 40,8% dự toán và bằng 81,0% so với cùng kỳ năm trước. Đề nghị báo cáo số liệu thu ngân sách đến thời điểm hiện nay.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, báo cáo số liệu thực hiện thu đến ngày 27 tháng 6 năm 2023 là 1.602.302 triệu đồng, đạt 35,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và bằng 70,6% cùng kỳ năm trước. Trong đó:</p> <p>+ Thu nội địa: Thực hiện thu đến 27/6/2023 là 1.474.617 triệu đồng, đạt 35,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, đạt 49,9% so dự toán trung ương giao và bằng 69,7% cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu XSKT và thu cổ tức lợi nhuận sau thuế còn lại 1.295.249 triệu đồng đạt 52,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (tiến độ dự toán là 50%), bằng 90,7% cùng kỳ; trong đó:</p> <p>+ Thu tiền sử dụng đất theo dự toán TW giao 46.509 triệu đồng/400.000 triệu đồng, đạt 11,6% dự toán giao và bằng 24,6% cùng kỳ năm trước.</p> <p>+ Số thu từ các dự án khai thác quỹ đất (địa phương giao tăng thu so với dự toán Trung ương): Thực hiện 86.005 triệu đồng/1.252.863 triệu đồng, đạt 6,9% dự toán. Bao gồm: Số thu phát sinh từ các cơ sở nhà, đất</p> |                   |

<sup>2</sup> Số thu chưa đạt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Nguyên nhân là do một số chính sách thuế mới ảnh hưởng đến công tác thu NSNN 06 tháng đầu năm 2023 (theo Báo cáo số 632/CTKTU-NVDTPC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Cục Thuế tỉnh), như sau: (1) Ngày 28 tháng 01 năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, theo đó, giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống còn 8%. (2) Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa XV thông qua Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu mỡ nhờn, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023, theo đó, mức thuế BVMT đối với xăng (trừ etanol) là 2.000 đ/lít, nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 1.000 đ/lít, dầu hỏa là 600đ/lít. Vì vậy, số thu từ thuế BVMT trong năm 2023 sẽ tiếp tục giảm; (3) Ngày 30 tháng 01 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 07/NQ-CP về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, theo đó giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp. Do đó, số thu tiền thuê đất trong năm 2023 sẽ giảm do bù trừ với số thuế nộp thừa trong năm 2022; (4) Ngày 14 tháng 4 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2023/NĐ-CP gia hạn thời gian nộp thuế GTGT, TNCN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2023 để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, theo đó, số nộp thuế các tháng tiếp theo sẽ giảm và đến hạn nộp vào cuối năm. (5) Các tháng đầu năm 2023, các dự án khai thác quỹ đất, xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất đang triển khai các bước công việc, hồ sơ, thủ tục theo quy trình trước khi tổ chức bán đấu giá theo quy định, do đó dự kiến trong 6 tháng đầu năm số thu nộp ngân sách nhà nước thấp và dự kiến phát sinh vào các tháng cuối năm 2023.

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  |  | <p>thuộc Khách sạn Đắk Bla và Nhà hàng Ngọc Linh - số 02 Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum (sau khi trừ các khoản chi phí hợp pháp) 86.005 triệu đồng (<i>trong đó: Thu tiền cho thuê đất 78.629 triệu đồng; Thu tiền bán tài sản trên đất 7.376 triệu đồng</i>).</p>  |  |
|  |  | <p>- Ban cơ bản thống nhất đối với các nguyên nhân Ủy ban nhân dân tỉnh đã xác định tác động đến nguồn thu ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2023, tuy nhiên Ban nhận thấy kết quả thu tiền sử dụng đất 5 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh là rất thấp, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rõ thêm về nguyên nhân (chủ quan, khách quan) ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ nguồn thu tiền sử dụng đất; trách nhiệm tổ chức, cá nhân; giải pháp tháo gỡ. (<i>Theo số liệu báo cáo, thu tiền sử dụng đất (theo dự toán trung ương giao): Thực hiện 5 tháng 41.792 triệu đồng, đạt 10,4% dự toán; Số thu từ các dự án khai thác quỹ đất (địa phương giao tăng thu so với dự toán Trung ương) thực hiện thu 5 tháng 86.005 triệu đồng, đạt 6,9% dự toán</i>).</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rõ thêm về nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ nguồn thu tiền sử dụng đất, cụ thể: Thị trường bất động sản trầm lắng, do đó ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện các dự án khai thác quỹ đất trên địa bàn tỉnh, dẫn đến số thu ngân sách các khoản thu liên quan đến đất đai năm 2023 (<i>nhu thu tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ nhà đất, thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản...</i>) giảm sâu. Số thu từ nguồn thu các dự án khai thác quỹ đất, xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất Hội đồng nhân dân tỉnh giao tăng thu chưa đạt tiến độ dự toán, do trong các tháng đầu năm đang triển khai các bước công việc, hồ sơ, thủ tục theo quy trình trước khi tổ chức bán đấu giá theo quy định.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, ngay sau kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cấp, các ngành rà soát đánh giá các nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng các chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa đạt hoặc đạt thấp, để có biện pháp tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả và phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra.</p> |  |
|  |  | <p>Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy, trong 6 tháng đầu năm 2023, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chi cơ bản đảm bảo tiến độ, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: chi đầu tư phát triển (không tính tạm ứng năm trước và vốn kéo dài) còn chậm, kết quả 5 tháng đầu năm chỉ giải ngân 26,8%; đối với chi thường xuyên còn nhiều nhiệm vụ chi có dự toán giao từ đầu năm cao, nhưng tiến độ giải ngân còn thấp, như: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (35,1%), Chi các hoạt động kinh tế</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, báo cáo tiến độ giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng thực hiện chi các CTMTQG đến ngày 27 tháng 6 năm 2023 là 376.733 triệu đồng/1.732.747 triệu đồng, đạt 21,7% so với nhiệm vụ chi. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chi CTMTQG vốn đầu tư 345.926 triệu đồng/1.037.034 triệu đồng, đạt 33,3% so với nhiệm vụ chi; cụ thể như sau:</li> </ul> </li> </ul>  |  |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>(28,3%),...; Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP (các Chương trình MTQG) còn rất thấp (12,9%)<sup>(3)</sup>; chi từ nguồn tăng thu các dự án khai thác quỹ đất so với dự toán Trung ương giao (2,0%) (<i>khoản chi này phụ thuộc và nguồn thu tiền sử dụng đất thực tế</i>). Đề nghị báo cáo cụ thể tiến độ giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia.</p>   | <p>* CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 199.970 triệu đồng/616.574 triệu đồng, đạt 32,4% so với nhiệm vụ chi.</p> <p>* CTMTQG giảm nghèo bền vững: 78.190 triệu đồng/269.348 triệu đồng, đạt 29% so với nhiệm vụ chi.</p> <p>* CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 67.766 triệu đồng/151.112 triệu đồng, đạt 44,8% so với nhiệm vụ chi.</p> <p>+ Chi CTMTQG vốn sự nghiệp 30.807 triệu đồng/695.713 triệu đồng, đạt 4,4% so với nhiệm vụ chi; cụ thể như sau:</p> <p>* CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 14.413 triệu đồng/434.006 triệu đồng, đạt 3,3% so với nhiệm vụ chi.</p> <p>* CTMTQG giảm nghèo bền vững: 10.716 triệu đồng/184.316 triệu đồng, đạt 5,8% so với nhiệm vụ chi.</p> <p>* CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 5.677 triệu đồng/77.391 triệu đồng, đạt 7,3% so với nhiệm vụ chi.</p> |  |
|  | <p>Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh về những kết quả đạt được, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023.</p> <p>Đồng thời, Ban đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:</p> <p>- Đẩy mạnh công tác giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công (<i>ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương</i>), các Chương trình mục tiêu quốc gia, gắn với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, cơ quan chủ quản từng dự án, tiểu dự án</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính và các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu tổ chức thực hiện có hiệu quả các số nhiệm vụ, giải pháp Ban Kinh tế - Ngân sách đã chỉ ra trong 6 tháng cuối năm 2023.</p>   |  |

<sup>3</sup> Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 13,2%; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 5,8%; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS và miền núi: 2,4%.

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>thành phần và các địa phương; phối hợp hướng dẫn giải quyết, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tránh việc đùn đẩy trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện dự toán ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư công và nhất là các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; đảm bảo chặt chẽ trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn vốn hiệu quả, tiết kiệm, theo đúng quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chỉ đạo thực hiện việc tạm ứng, thanh toán giải ngân vốn đầu tư công đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời gian giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả.</li><li>- Duy trì và tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; thường xuyên đánh giá tiến độ thu ngân sách Nhà nước để có giải pháp chỉ đạo, điều hành kịp thời. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ khai thác tài nguyên, khoáng sản và các dự án khai thác quỹ đất; tập trung đôn đốc các khoản thu hết thời gian gia hạn nộp thuế; triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quản lý thu trong các tháng cuối năm, phấn đấu hoàn thành mục tiêu được giao.</li><li>- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, tăng cường tính công khai minh bạch, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát việc sử dụng ngân sách Nhà nước; điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm trong phạm vi dự toán được giao. Rà soát</li></ul> |  |  |
|--|--|--|--|

|          |   |   |            |
|----------|---|---|------------|
|          | <p>các chế độ, chính sách an sinh xã hội để đảm bảo chi đúng đối tượng, không để phát sinh tình trạng chậm, nợ chế độ, chính sách trên địa bàn.</p> <p>- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xử lý dứt điểm các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021.</p>   |   |            |
| <b>3</b> | <b>Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023</b>  |   | Thống nhất |
|          | <p>Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với những phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra. Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo một số nhiệm vụ sau:</p> <p>- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP năm 2023; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng lĩnh vực được giao phụ trách; phân công, phân cấp cụ thể, rõ ràng, gắn với công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đảm bảo việc thực hiện chương trình đạt hiệu quả. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THPTK, CLP tại cơ quan, đơn vị, nhất là việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí giao tự chủ được cấp thẩm quyền giao.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu tổ chức thực hiện có hiệu quả các số nhiệm vụ, giải pháp Ban Kinh tế - Ngân sách đã chỉ ra trong 6 tháng cuối năm 2023.</p> |            |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là đối với các cơ sở nhà, đất bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; kiên quyết thu hồi tài sản công sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; sắp xếp, xử lý tài sản đúng quy định, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công.</li> <li>- Thường xuyên thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới cán bộ, công chức, kết hợp với thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Người về THTK, CLP. Lòng ghép tổng kết công tác THTK, CLP với tổng kết, tập huấn công tác chuyên môn hàng năm.</li> <li>- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng ngân sách, mua sắm tài sản công, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, khắc phục hậu quả.</li> </ul> |  |  |
|  | <p><i>* Một số nội dung đề nghị báo cáo làm rõ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo đánh giá tại khoản 2 Mục II Báo cáo, “công tác kiểm soát chi thường xuyên, chi đầu tư xây dựng cơ bản, chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia theo đúng quy trình, chế độ và thời gian quy định đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách, các Chủ đầu tư, chủ dự án đẩy nhanh tiến độ giải ngân theo quy định. Kết quả thực hiện kiểm soát</li> </ul>  | <p>Theo báo cáo của Kho bạc nhà nước tỉnh Kon Tum, hiện nay trên địa bàn Kho bạc nhà nước tỉnh đã triển khai Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho các đơn vị sử dụng ngân sách đạt 100% (trừ các đơn vị An ninh, Quốc phòng) đảm bảo thực hiện giao, nhận, xử lý hồ sơ thanh toán trên Hệ thống DVC trực tuyến. Toàn bộ thủ tục kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước... đều được cập nhật trên hệ Hệ thống DVC trực tuyến (<i>Về quy trình thực hiện,</i></p> |  |

|   |  |  |                   |
|---|--|--|-------------------|
|   | <p>chi, đã từ chối 16 hồ sơ, số tiền 2.350 triệu đồng<sup>(4)</sup>; số hồ sơ chưa đủ thủ tục, yêu cầu bổ sung theo quy định là 7.826 hồ sơ, số tiền 488.910 triệu đồng<sup>(5)</sup>". Ban Kinh tế - Ngân sách đánh giá cao công tác kiểm soát chi của Kho bạc nhà nước, tuy nhiên đề nghị làm rõ một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công tác hướng dẫn thủ tục, hồ sơ, quy trình thanh quyết toán chi nguồn NSNN.</li> <li>+ Chất lượng đội ngũ làm công tác tài chính kế toán của các đơn vị sử dụng NSNN.</li> <li>+ Với kết quả thực hiện kiểm soát chi NSNN và kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm 2023<sup>(6)</sup>, đề nghị báo cáo làm rõ ảnh hưởng của việc thiếu hồ sơ thủ tục thanh toán đến tiến độ giải ngân vốn NSNN 06 tháng đầu năm 2023. Đồng thời, làm rõ nội dung "đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị sử dụng ngân sách, các Chủ đầu tư, chủ dự án đẩy nhanh tiến độ giải ngân theo quy định".</li> </ul> | <p><i>thành phần và số lượng hồ sơ, phương thức thực hiện, ký số điện tử).</i> Đồng thời tăng cường phối hợp với các đơn vị sử dụng ngân sách để kịp thời nắm bắt những vướng mắc, có biện pháp tháo gỡ trong quá trình kiểm soát chi NSNN, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư ở mức cao nhất.</p> <p>Bên cạnh đó, thực hiện Văn bản số 430/UBND-KTTH ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xử lý các chủ đầu tư có khối lượng hoàn thành nhưng không nghiệm thu thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành, KBNN định kỳ hàng tuần thông báo danh sách các chủ đầu tư, chủ dự án chậm nộp hồ sơ thanh toán với KBNN cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo quy định.</p> <p>Ngoài ra, KBNN đã tăng cường các biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực KBNN theo Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ nhằm tăng cường kỷ luật trong công tác thanh toán ngân sách nhà nước đối với các chủ thể tham gia quá trình thực hiện chi ngân sách nhà nước.</p> |                   |
| 4 | <p><b>Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b></p>  |  | <p>Thống nhất</p> |
|   | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ các nội dung bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023, đề nghị nghiên cứu biên tập lại nội dung điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị</li> </ul>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biên tập lại nội dung điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p><i>b) Bổ sung điểm 1 như sau:</i></p> <p><i>" - Chi tạo lập mới hoặc thuê hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến từ xa: Cơ quan, đơn vị được giao</i></p>  |                   |

<sup>(4)</sup> Trong đó: Chi thường xuyên: 08 hồ sơ, số tiền: 141 triệu đồng; Chi đầu tư: 08 hồ sơ, số tiền: 2.350 triệu đồng.

<sup>(5)</sup> Trong đó: Chi thường xuyên 7.015 hồ sơ, số tiền 248.682 triệu đồng; Chi đầu tư 811 hồ sơ; số tiền 240.229 triệu đồng.

<sup>(6)</sup> Theo số liệu báo cáo, chi đầu tư phát triển năm 2023 ước giải ngân chi được khoảng 31,4%; chi thường xuyên ước thực hiện khoảng 43,3% nhiệm vụ chi.

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | quyết cho đồng bộ, chặt chẽ.  | <p><i>nhiệm vụ bồi dưỡng CBCC căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm, thuê thiết bị, phần mềm và các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin;</i></p> <p><i>- Chi số hóa tài liệu phục vụ trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến từ xa: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.</i></p> <p><i>- Chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành: Chi phí theo thực tế, thanh toán có chứng từ, hóa đơn theo quy định”.</i></p> |  |
|  | - Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36), đề nghị nghiên cứu, biên tập nội dung tại điểm n khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND đảm bảo theo quy định. | <p>Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu và sửa đổi, bổ sung điểm n khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND như sau:</p> <p><i>d) Sửa đổi, bổ sung điểm n như sau:</i></p> <p><i>“n) Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng: Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn chương trình, giáo trình quyết định mức chi cho phù hợp với từng chương trình đào tạo, bồi dưỡng.”</i></p>   |  |
|  | - Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.   | <p>Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.</p>  |  |

|   |  |  |            |
|---|--|--|------------|
| 5 | <b>Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020, Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b>   |  | Thông nhất |
|   | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:</p> <p>1. Đối với Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng (đối với phương tiện ra, vào các cửa khẩu) trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y:</p> <p>- Đề nghị bổ sung báo cáo thẩm định Đề án thu phí theo quy định.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung báo cáo thẩm định <b>Đề án thu phí theo quy định.</b></p>  |            |
|   | <p>- Đề nghị báo cáo cơ sở đề nghị giảm mức thu phí đối với “Xe tải, xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc có trọng tải 18.000 kg trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit” Xe tải, xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc có trọng tải 18.000 kg trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit” từ <b>3.000.000 đồng/xe/lượt</b> qua cửa khẩu xuống <b>2.400.000 đồng/xe/lượt</b> qua cửa khẩu (tương ứng giảm 20%); nguyên nhân không đề xuất giảm mức thu phí đối với các loại xe khác.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân theo chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2023 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2023 trực tuyến với địa phương, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã đề xuất điều chỉnh giảm mức thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu) đối với “Xe tải, xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc có trọng tải 18.000 kg trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit” Xe tải, xe kéo rơ moóc, xe kéo sơ mi rơ moóc có trọng tải 18.000 kg trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit” từ <b>3.000.000 đồng/xe/lượt</b> qua cửa khẩu giảm còn <b>2.400.000 đồng/xe/lượt</b> qua cửa khẩu (tương ứng giảm 20%).</p> <p>- Mức thu sau khi điều chỉnh giảm (2.400.000 đồng/lượt phương tiện) <b>tương đồng với mức thu phí trung bình cao nhất của 24 cửa khẩu trên cả nước (2.670.000 đồng/lượt phương tiện).</b></p> <p>- Kể từ khi thực hiện thu phí đến nay, hầu hết các đối tượng nộp phí đồng thuận với các mức thu do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành, <b>chỉ có 01 Doanh nghiệp</b> Công ty TNHH giao nhận vận chuyển quốc tế Trường Hải (THILOGI) kinh doanh vận tải có ý kiến <b>đề xuất giảm đối với mức thu cao nhất (3.000.000 đồng/phương tiện đối với hàng quá cảnh và hàng xuất nhập khẩu).</b> Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh</p> |            |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  |   | chỉ trình cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh đối với mức thu này, các mức thu phí của những loại xe còn lại thấp, ít phát sinh trên địa bàn tỉnh do đó đơn vị đề nghị giữ nguyên mức thu theo Nghị quyết số 80/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.   |  |
|  | - Theo ý kiến của Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum <sup>(7)</sup> có đề cập đến miễn nộp phí đối với phí xe rỗng ( <i>xe không chở hàng/ xe không chở khách</i> ) <sup>(8)</sup> . Đề nghị báo cáo rõ nguyên nhân không đề xuất miễn nộp phí đối với xe không chở hàng/ xe không chở khách.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tại điểm b Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định: <i>Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu là khoản thu đối với các đối tượng sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu.</i> Hiện nay, tất cả các phương tiện ra vào qua cửa khẩu <b>đều sử dụng</b> công trình kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y ( <i>không phân biệt xe có chở khách, có chở hàng hay không</i> ), do đó phải thực hiện nộp phí Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh không có cơ sở để đề xuất miễn nộp phí đối với xe không chở hàng/ xe không chở khách.  |  |
|  | 2. Đề nghị báo cáo làm rõ đề xuất ban hành mức thu phí của 02 dịch vụ công trực tuyến: “Mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trực tuyến” và “Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trực tuyến”. Bên cạnh đó, việc quy định bổ sung 02 mức thu lệ phí này có phải xây dựng đề án theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ <sup>(9)</sup> không? | - Ngày 04 tháng 4 năm 2023, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 2219/VPVP-KSTT về việc đề xuất cơ chế ưu đãi phí, lệ phí trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, trong đó giao: <i>Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương rà soát, đề xuất cụ thể mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo thẩm quyền, hoàn thành trong tháng 6 năm 2023.</i><br>Thực hiện Văn bản số 2219/VPVP-KSTT nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị chủ trì xây dựng Đề án thu phí, lệ phí tiếp tục rà soát, đề xuất mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp với điều kiện của địa phương nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương |  |

<sup>7</sup> Công văn số 353/HQGLKT-NV ngày 31/3/2023 của Cục Hải quan Gia lai-Kon Tum.

<sup>8</sup> Cửa khẩu Lệ Thanh; cửa khẩu Nam Giang; cửa khẩu Lao Bảo; cửa khẩu Cha Lo; cửa khẩu Cầu Treo.

<sup>9</sup> Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ, quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | <p>thức trực tuyến.</p> <p>Đến nay, chỉ có Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tư pháp đề xuất giảm 50% “Mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trực tuyến”, “Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh trực tuyến”; <b>các đơn vị còn lại không đề xuất miễn giảm đối với lệ phí đăng ký trực tuyến thuộc ngành quản lý.</b> Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định giảm 50% mức thu lệ phí đối với <b>02 dịch vụ</b> công trực tuyến. Mức thu lệ phí nêu trên đã được lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các đơn vị, địa phương thống nhất với mức thu phí này, do đó mức thu phí nêu trên đã phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đồng thời tương đồng với một số tỉnh đã ban hành<sup>(10)</sup>.</p> <p>- Về việc xây dựng lại đề án thu lệ phí: Theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ, tổ chức thu lệ phí <b>thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.</b> Việc điều chỉnh giảm mức thu lệ phí nêu trên chỉ ảnh hưởng đến số thu nộp NSNN hàng năm, còn các nội dung khác của đề án theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP<sup>(11)</sup> không bị điều chỉnh, do đó đề xuất không xây dựng lại đề án thu lệ phí đối với 02 nội dung này. Đồng thời việc xây dựng đề án thu lệ phí chỉ áp dụng đối với các loại phí, lệ phí <b>phát sinh mới</b> trên địa bàn tỉnh.</p> |  |
|  |  | <p>- Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó: Biên tập tiêu đề Điều 1 và Điều 2 dự thảo Nghị quyết đảm bảo đồng</p>  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.</p> |

<sup>(10)</sup> Hiện nay qua rà soát, một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành quy định mức thu phí, lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến, trong đó mức thu phí, lệ phí có giảm so mức thu phí, lệ đã ban hành khi chưa thực hiện dịch vụ công trực tuyến (*Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu 50% lệ phí; Tỉnh Lạng Sơn định mức thu 60% đối với phí, lệ phí; Tỉnh Quảng Nam định mức thu 50% đối với phí, lệ phí; Tỉnh Thái Nguyên quy định mức thu 50% mức thu lệ phí*).

<sup>(11)</sup> “c) Đề án thu lệ phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu lệ phí; dự kiến mức thu và căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu lệ phí; miễn, giảm lệ phí; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp, hiệu quả thu lệ phí”

|          |   |  |            |
|----------|---|--|------------|
|          | bộ, bám sát quy định theo mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.   |  |            |
| <b>6</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh</b>  |  | Thông nhất |
|          | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:</p> <p>1. Tại khoản 1 dự thảo Nghị quyết (Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d, điểm g Khoản 2 Điều 4<sup>(12)</sup>)</p> <p>- Đề nghị báo cáo làm rõ việc điều chỉnh tăng hệ số bổ sung có đảm bảo kinh phí hoạt động của năm 2023 và các năm tiếp theo của cơ quan, đơn vị khối tỉnh không; nghiên cứu rà soát và điều chỉnh hệ số một số cơ quan, đơn vị cho phù hợp, ổn định, khả năng cân đối ngân sách đảm bảo hoạt động, thực hiện nhiệm vụ được giao<sup>(13)</sup>.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Việc tăng mức hệ số bổ sung chi thường xuyên theo định mức của các cơ quan hành chính nhằm đảm bảo mặt bằng dự toán (tính cho 1 năm) theo hệ số bổ sung mới tương đồng hoặc có tăng trưởng hơn so với dự toán năm trước (tính cho 1 năm) theo quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh để duy trì, đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên (khi ngân sách nhà nước không bố trí riêng dự toán để thực hiện hợp đồng đối với các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính). Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát và điều chỉnh hệ số một số cơ quan, đơn vị cho phù hợp, ổn định, khả năng cân đối ngân sách đảm bảo hoạt động, thực hiện nhiệm vụ được giao. Theo đó, Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, sửa đổi như sau:</p> <p>“1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d, điểm g Khoản 2 Điều 4 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 2 Điều 4 như sau:</p> <p>“c) Hệ số bổ sung:</p> <p>- Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các cơ quan Đảng trực thuộc):</p> <p>3.</p> <p>- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 2,7.</p> |            |

<sup>12</sup> “Điều 4. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể

2. Định mức phân bổ:

c) Hệ số bổ sung:

d) Hệ số bổ sung kinh phí hoạt động kiểm tra, thanh tra (tính trên tổng biên chế được cấp thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị):

g) Ngoài ra, phân bổ kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù của các ngành, lĩnh vực theo quy định, gồm:”

<sup>13</sup> Các cơ quan có số hợp đồng lao động nhiều; các cơ quan trực thuộc sở ngành: Chi cục Thủy lợi; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản;...

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan đảng (trừ đơn vị sự nghiệp) là đơn vị dự toán trực thuộc Tỉnh ủy (Văn phòng Tỉnh ủy là đơn vị cấp I); Cơ quan thuộc khối Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội: 2,3.</li> <li>- Các Sở, cơ quan hành chính tổng hợp (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Ban Dân tộc): 1,8.</li> <li>- Các Sở, ban, ngành, cơ quan hành chính có các đơn vị dự toán trực thuộc (đơn vị dự toán cấp I): 1,6. Riêng Chi cục Kiểm lâm tỉnh (là đơn vị dự toán cấp trên có các Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động trực thuộc tại các huyện): 1,4.</li> <li>- Các Sở, ngành, cơ quan hành chính không có đơn vị trực thuộc còn lại: 1,3.</li> <li>- Các đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ngành (không bao gồm các đơn vị sự nghiệp): 1,2.”</li> </ul> <p>Với mức hệ số bổ sung nêu trên, dự kiến sau khi Nghị quyết ban hành, tổng dự toán năm 2023 của các cơ quan, đơn vị tăng 208 triệu đồng, dự toán năm 2024 trở đi tăng 6.191 triệu đồng.</p> |  |
|  |  | <p>- Về “Hỗ trợ kinh phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị dùng chung, trang thiết bị chuyên dùng”: Ban nhận thấy việc bổ sung nội dung trên vào định mức không thường xuyên, đặc thù sẽ trùng lặp với nội dung “Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án, dự án, Kế hoạch riêng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;” đã được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 4 quy định kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021. Đề nghị xem xét rà soát điều chỉnh cho phù hợp.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, để đảm bảo không trùng lặp nội dung quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh bỏ nội dung “Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án, dự án, Kế hoạch riêng được cấp có thẩm quyền phê duyệt” trong quy định tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất điểm g Khoản 2 Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết), chỉ biên tập nội dung “Hỗ trợ kinh phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị dùng chung, trang thiết bị chuyên dùng”.</p>   |  |
|  |  | <p>+ Về “Kinh phí tổ chức kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức của tỉnh giao cho đơn vị chủ trì thực hiện”: Đối với các nhiệm vụ phát sinh không thường xuyên, đã được quy định tại</p>  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh bỏ nội dung “Kinh phí tổ chức kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức của tỉnh giao</p>  |  |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | điểm g khoản 2 Điều 4 quy định kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 <sup>(14)</sup> . Đề nghị xem xét việc bỏ nội dung này.  | cho đơn vị chủ trì thực hiện” trong quy định tại gạch đầu dòng (-) thứ nhất điểm g Khoản 2 Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết)  |  |
|  | - Đề nghị nghiên cứu bổ sung định mức phân bổ nhiệm vụ chi đặc thù đối với nội dung liên quan đến hoạt động chăm sóc, bảo vệ, phát triển hệ thống cây xanh trong khuôn viên trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp với quy định và tình hình thực tế. | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bổ sung nội dung “hoạt động chăm sóc, bảo vệ, phát triển hệ thống cây xanh trong khuôn viên trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh” trong quy định tại gạch đầu dòng (-) thứ 2 điểm g Khoản 2 Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết)  |  |
|  | 3. Tại khoản 4 dự thảo Nghị quyết (Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 7 <sup>(15)</sup> ): Đề nghị xem xét việc điều chỉnh tên Trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum theo chủ trương của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội <sup>(16)</sup> .                                       | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:<br>4. Sửa đổi tiêu đề Khoản 1 Điều 7 và sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 1 Điều 7 như sau:<br>“1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo cho Trường Cao đẳng Kon Tum, gồm:<br>a) Phân bổ theo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) chiếm tỷ trọng 85% trên chi thường xuyên, chi khác đảm bảo mức 15% sau khi cân đối sử dụng nguồn thu học phí, nguồn thu hoạt động sự nghiệp mức tự bảo đảm chi thường xuyên theo cơ chế tự chủ tài chính qui định hiện hành.<br>Định mức ngân sách nhà nước phân bổ nêu trên đã bao gồm: kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; nhiệm vụ chi thường |  |

<sup>14</sup> Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền cho chủ trương, quyết định

<sup>15</sup> “Điều 7. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo cho Trường Cao đẳng Cộng đồng”

<sup>16</sup> Quyết định số 635/QĐ-LĐTĐ ngày 16/5/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum.

|  |  |   |   |  |
|--|--|---|---|--|
|  |  |   | xuyên phục vụ dạy và học, mua sắm thiết bị, công cụ; duy tu, bảo dưỡng thường xuyên tài sản.”   |  |
|  |  | 4. Tại khoản 6 dự thảo Nghị quyết (bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 10 <sup>(17)</sup> ): Đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân vì sao quy định riêng đối với nội dung “ <i>Hỗ trợ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kinh phí thực hiện thuê mướn để làm công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách tiếp đón thân nhân liệt sĩ</i> ”; trong khi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cũng đã được bổ sung hệ số tăng thêm như các sở ngành. | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Trước đây Sở Lao động TBXH được UBND tỉnh giao số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP để thực hiện các công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách tiếp đón thân nhân liệt sĩ. Kinh phí chi trả cho HĐLĐ được bố trí 70 triệu đồng/HĐ theo NQ 58/2021/NQ-HĐND. Tuy nhiên khi Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thì không còn cơ sở để bố trí kinh phí nêu trên cho đơn vị. Hệ số bổ sung chi thường xuyên quản lý hành chính của đơn vị tăng thêm 0,3 chỉ đủ đảm bảo 2 HĐ lái xe tại Sở Lao động TBXH (nhiệm vụ tương đồng với các Sở, ngành khác), không đủ để chi 4 hợp đồng các công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách tiếp đón thân nhân liệt sĩ (đây là nhiệm vụ đặc thù chỉ có ở Sở Lao động TB và XH, các Sở, ngành khác không có nhiệm vụ này). Đồng thời việc hợp đồng quản trang, phục vụ tại Nhà khách tiếp đón thân nhân liệt sĩ là nhiệm vụ chính trị mang tính chất sự nghiệp đảm bảo xã hội, nhằm tạo điều kiện cho thân nhân các gia đình liệt sĩ khi đến thăm viếng tại Nghĩa trang liệt sĩ của tỉnh. Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị giữ nguyên như biên tập của dự thảo Nghị quyết. |  |
|  |  | 5. Tại khoản 7 dự thảo Nghị quyết (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 12 <sup>(18)</sup> ): Đề nghị rà soát biên tập điểm a khoản 7 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh điểm a Khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:<br>a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 như sau:<br>“1. Chi hoạt động bộ máy sự nghiệp: Ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên của đơn vị gồm:  |  |

<sup>17</sup> “Điều 10. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo xã hội

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:”

<sup>18</sup> “Điều 12. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp khác còn lại

1. Chi hoạt động bộ máy sự nghiệp

2. Chi hoạt động sự nghiệp:”

|                              |   |  | <p>a) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo số lượng người làm việc <b>hưởng lương từ ngân sách nhà nước</b> do cấp thẩm quyền giao và quy định hiện hành;</p> <p>b) Chi thường xuyên theo định mức (trên cơ sở số lượng người làm việc <b>hưởng lương từ ngân sách nhà nước</b> do cấp thẩm quyền giao):</p> <table border="1" data-bbox="983 371 1883 679"> <thead> <tr> <th>Tiêu chí</th> <th>Định mức phân bổ (triệu đồng/người/năm)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đơn vị từ 10 người trở xuống</td> <td>31</td> </tr> <tr> <td>Đơn vị từ 11 đến 30 người</td> <td>29</td> </tr> <tr> <td>Đơn vị từ 31 đến 50 người</td> <td>26</td> </tr> <tr> <td>Đơn vị từ 51 người trở lên</td> <td>24</td> </tr> </tbody> </table> <p>Định mức phân bổ nêu trên là cơ sở để giao dự toán cho đơn vị, ngân sách địa phương hỗ trợ theo nguyên tắc quy định tại Điều 5 Quy định này.</p> <p>Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; sửa chữa nhỏ xe ô tô; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên của đơn vị.”</p> | Tiêu chí | Định mức phân bổ (triệu đồng/người/năm) | Đơn vị từ 10 người trở xuống | 31 | Đơn vị từ 11 đến 30 người | 29 | Đơn vị từ 31 đến 50 người | 26 | Đơn vị từ 51 người trở lên | 24 |  |
|------------------------------|---|--|--|----------|---|------------------------------|----|---------------------------|----|---------------------------|----|----------------------------|----|--|
| Tiêu chí                     | Định mức phân bổ (triệu đồng/người/năm) |  |  |          |   |                              |    |                           |    |                           |    |                            |    |  |
| Đơn vị từ 10 người trở xuống | 31                                      |  |  |          |   |                              |    |                           |    |                           |    |                            |    |  |
| Đơn vị từ 11 đến 30 người    | 29                                      |  |  |          |   |                              |    |                           |    |                           |    |                            |    |  |
| Đơn vị từ 31 đến 50 người    | 26                                      |  |  |          |   |                              |    |                           |    |                           |    |                            |    |  |
| Đơn vị từ 51 người trở lên   | 24                                      |  |  |          |   |                              |    |                           |    |                           |    |                            |    |  |
|                              |   | <p>6. Tại khoản 8, 9 dự thảo Nghị quyết (Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối Khoản 1 Điều 16<sup>(19)</sup>; khoản 3 Điều 19<sup>(20)</sup>):</p> <p>- Đối với định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục (điều chỉnh “<b>không thấp hơn 15%</b>” thành “<b>tối thiểu từ 13 đến 15%</b>”), định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể (điều chỉnh “<b>tối thiểu 20%</b>” thành “<b>tối thiểu từ 18% đến 20%</b>”), việc ban hành</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh nội dung quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (giữ nguyên theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND).</p>  |          |   |                              |    |                           |    |                           |    |                            |    |  |

<sup>19</sup> “Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục”

<sup>20</sup> “Điều 19. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể”

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>mức tối thiểu cho Khung tỷ lệ chi thường xuyên là chưa phù hợp, chưa bám sát quy định của Thủ tướng Chính phủ tại nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 (<i>Quyết định 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021<sup>(21)</sup></i>), Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và tình hình thực tế, nhất là công tác giảng dạy và học tập tại các cơ sở giáo dục. Đề nghị xem xét cân nhắc việc đề xuất điều chỉnh tỷ lệ chi thường xuyên đối với các định mức phân bổ trên.</p> |   |  |
|  | <p>- Đề nghị tiếp tục tăng cường chỉ đạo kiểm tra, giám sát các huyện, thành phố trong việc triển khai thực hiện phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục, chi quản lý hành chính theo đúng quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính tiếp tục tăng cường chỉ đạo kiểm tra, giám sát các huyện, thành phố trong việc triển khai thực hiện phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục, chi quản lý hành chính theo đúng quy định tại Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> |  |
|  | <p>7. Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p>  |  |

<sup>21</sup> **Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục**

Trên cơ sở định mức quy định tại khoản này, trường hợp tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập nhỏ hơn 19% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, sẽ được bổ sung để bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, học bổng cho học sinh dân tộc nội trú) tối đa 81% (chưa kể chi từ nguồn thu học phí). Đối với các địa phương có tỷ lệ dân số thuộc vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn cao hơn mức bình quân chung của cả nước, chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập bảo đảm tỷ lệ tối thiểu 20%.

|   |   |   |
|---|---|---|
| 7 | <p><b>Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b></p>   | <p>Thông nhất</p>   |
|   | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:</p> <p>- Tại gạch (-) đầu dòng thứ 4 khoản 4 mục II Phụ lục XI Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ: đề nghị báo cáo làm rõ nội dung “Bồi dưỡng cập nhật các nội dung, chương trình khác”, vì theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành <b>danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b> theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trường hợp chưa xác định cụ thể danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực này thì rà soát bổ sung sau.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b></p> <p>Các năm qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức trên địa bàn tỉnh được thực hiện trên cơ sở quy định của Chính phủ tại các Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và thực hiện các chương trình bồi dưỡng khác được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở triển khai thực tế của địa phương. Để có cơ sở triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND, trong đó tại Phụ lục XI “<i>Danh mục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>” có 02 danh mục chi tiết thuộc nhóm chương trình bồi dưỡng khác của địa phương theo kết quả thực tế thực hiện, bao gồm: <i>Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 3, Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 4</i>; các lớp này được tổ chức thực hiện theo Kế hoạch của Tỉnh ủy và giao Trường Chính trị trực tiếp tổ chức. Đây là các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương.</p> <p>- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: “<i>Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương</i>”. Để bao quát đầy đủ các chương trình bồi dưỡng đã thực hiện các năm qua và dự kiến sẽ phát sinh cho các năm tiếp theo đối với nhiệm vụ này, đối với các danh mục thuộc các chương trình đào</p> |

|  |  |   |  |  |
|--|--|---|--|--|
|  |  |   | <p>         tạo, bồi dưỡng quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực, Sở Nội vụ có trách nhiệm rà soát, đề xuất, sửa đổi và chịu trách nhiệm thực hiện xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, ban hành đơn giá, giá dịch vụ làm cơ sở triển khai theo quy trình quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Đối với việc thực hiện các chương trình, bồi dưỡng khác phát sinh theo tình hình thực tế của địa phương, có bao gồm các chương trình bồi dưỡng theo Kế hoạch của Tỉnh ủy hiện nay giao Trường chính trị đang thực hiện (như: bồi dưỡng công tác mặt trận đoàn thể, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng và bồi dưỡng công tác dân vận cho cán bộ khối Đảng cấp tỉnh, huyện, xã).       </p> <p>         - Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và điều chỉnh và biên tập gạch (-) đầu dòng thứ 4 khoản 4 mục II Phụ lục XI Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ <b>“Bồi dưỡng cập nhật các nội dung, chương trình khác”</b> thành các mục như sau:       </p> <p>         “- Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 3<br/>         - Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 4<br/>         - Bồi dưỡng công tác mặt trận đoàn thể, nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng và công tác dân vận cho cán bộ, công chức khối Đảng cấp tỉnh, huyện, xã”.       </p> |  |
|  |  | <p>         - Chỉ đạo khẩn trương xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, có giải pháp để các sở ngành thống nhất, đồng bộ trong quá trình tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công. Đồng thời kiến nghị, đề xuất Trung ương tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế, pháp lý.       </p> | <p> <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> </p> <p>         - Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về quy trình quy định để thực hiện xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật như: Công văn số 552/UBND-KTTH ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Công văn số 3041/UBND-KTTH ngày 14 tháng 9 năm 2022; Công văn số 452/UBND-KTTH ngày 23 tháng 2 năm 2023, với các nội dung chính như:       </p> <p>         (1) Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh<br/>         - Đẩy nhanh công tác tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công       </p>  |  |

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình, <b>hoàn thành chậm nhất đến hết quý II năm 2023</b>. Trường hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, kịp thời tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính để xem xét, hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định.</p> <p>- Trường hợp để xảy ra chậm trễ hoặc không thực hiện theo đúng chỉ đạo trên, nghiêm túc kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan<sup>(22)</sup> (kết quả kiểm điểm đồng thời gửi Sở Nội vụ theo dõi, phục vụ công tác đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng).</p> <p>(2) Đồng thời, giao Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp để phục vụ công tác đánh giá, xếp loại, chấm điểm cải cách hành chính và thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định.</p> <p>Để đẩy nhanh công tác ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, Sở Tài chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 3041/UBND-KTTH ngày 14 tháng 9 năm 2022, trong đó ban hành <b>Quy trình thực hiện xây dựng, thẩm định ban hành định mức kinh tế kỹ thuật</b> (Sở Tài chính là thành viên của tất cả các quyết định thành Hội đồng thẩm định định mức - kinh tế kỹ thuật của các lĩnh vực sự nghiệp trên địa bàn tỉnh).</p> <p>- <b>Những khó khăn, vướng mắc:</b> Hiện nay, một số Bộ, ngành Trung ương<sup>(23)</sup> đã ban hành hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn chưa đồng bộ, đầy đủ hết hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của tất cả các lĩnh vực, ngành nghề đáp ứng tiêu chí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước. Bên cạnh đó hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của một số Bộ đã ban hành cũng</p> |  |
|--|--|--|--|--|

<sup>(22)</sup> Trường hợp đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân lãnh đạo quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên: Thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 2500/UBND-NNTN ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

<sup>(23)</sup> Bộ giáo dục đào tạo; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 16/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 46 ngành, nghề; Bộ Thông tin và Truyền thông đã Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 về định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 về định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình.

|          |  |  |                   |
|----------|--|--|-------------------|
|          |  | <p>chưa phù hợp với đặc điểm riêng, yêu cầu mức độ cung ứng sản phẩm dịch vụ <b>phù hợp với khả năng cân đối nguồn ngân sách Nhà nước của từng địa phương để chi trả, đặt hàng.</b></p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Trung ương tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế, pháp lý để làm cơ sở triển khai thực hiện.</p>   |                   |
|          | <p>- Tiếp tục chỉ đạo rà soát trình cấp thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước không còn phù hợp, đảm bảo chặt chẽ về nội dung, đảm bảo việc triển khai thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách và sẽ chỉ đạo Sở Tài chính tiếp tục phối hợp với các đơn vị rà soát, trình cấp thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước không còn phù hợp. Tiếp tục đẩy nhanh triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP trên địa bàn toàn tỉnh, đồng thời, ngân sách nhà nước chỉ phân bổ ngân sách để đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, chuyển các dịch vụ sự nghiệp công không thuộc nhóm dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sang thực hiện xã hội hóa theo nhu cầu xã hội.</p> |                   |
|          | <p>- Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định</p>   |                   |
| <b>8</b> | <p><b>Dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum và phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b></p>   |  | <p>Thống nhất</p> |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:</p> <p>- Báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch vốn năm 2022, 2023 các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Ước thực hiện, giải ngân đến 30 tháng 6 năm 2023. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến việc điều chỉnh kế hoạch vốn; trách nhiệm cơ quan, đơn vị có liên quan.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch vốn năm 2022, 2023 các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:</p> <p>- Đến ngày 20 tháng 5 năm 2023, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 đạt 377,795 tỷ đồng, đạt 56,19% kế hoạch Trung ương giao; giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2023 đạt 110,02 tỷ đồng, đạt 16,3% kế hoạch Trung ương giao.</p> <p>- Ước đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, giải ngân kế hoạch năm 2022 (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) đạt 601.961 triệu đồng, đạt 77% dự toán Trung ương giao; giải ngân kế hoạch năm 2023 đạt 200,892 tỷ đồng, đạt 24,46% dự toán Trung ương giao.</p> <p>Giải ngân kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, nguyên nhân do nhiều nội dung, hoạt động, dự án, tiểu dự án thuộc các chương trình đến nay chưa có hoặc mới có quy định, cơ chế, hướng dẫn thực hiện của Trung ương<sup>(24)</sup> hoặc một số nội dung địa phương không có nhu cầu, đối tượng để triển khai thực hiện theo quy định hoặc dự toán được Trung ương giao cho địa phương cao hơn so với nhu cầu thực tế<sup>(25)</sup>... Do đó việc đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn sang các nội dung, nhiệm vụ khác đủ điều kiện triển khai nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao là phù hợp.</p> |  |
|  | <p>- Việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư có thể sẽ ảnh hưởng đến tổng vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ tại Nghị quyết</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, một số dự án có điều chỉnh về tên dự án; khi triển khai</p>  |  |

<sup>24</sup> Như: Trung ương chưa ban hành quy định về cơ chế dùng vốn đầu tư công hỗ trợ trực tiếp cho chính sách nhà ở, đất ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1 (Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt); Bộ Thông tin và Truyền thông mới ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 5 năm 2023 hướng dẫn thực hiện Tiêu dự án 1 và Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 10;...

<sup>25</sup> Như: Không có nhu cầu thực hiện nội dung “Hỗ trợ chuyển đổi nghề” thuộc Dự án 1; không có đối tượng đáp ứng theo quy định để triển khai thực hiện Tiêu dự án 2 (Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), Dự án 5; nhu cầu triển khai thực tế thấp hơn so với dự toán được giao (các nội dung thuộc Tiêu dự án 1 (Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân), Dự án 3; Tiêu dự án 3 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi), Dự án 5);...

|  |  |   |  |  |
|--|--|---|--|--|
|  |  | số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023.<br>Đề nghị báo cáo làm rõ thêm.  | <p>công tác khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, lập dự án có sự thay đổi về quy mô, tổng mức đầu tư (<i>do giá cả vật liệu xây dựng tăng cao, ...</i>), có phần chưa đảm bảo quy hoạch; một số dự án không thể huy động các nguồn lực khác để đầu tư hoàn thành nên đề xuất đầu tư công trình khác; quá trình triển khai thực hiện các dự án còn thừa vốn, đề xuất đầu tư công trình mới; điều chỉnh một số dự án theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương;... Ngoài ra các đơn vị, địa phương chủ động đối ứng, lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư hoàn thành dự án. Do đó việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định hiện hành.</p> <p>Do đó, việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư <b>không ảnh hưởng</b> đến tổng vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023</p> |  |
|  |  | - Theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố kết quả. Như vậy, đề nghị cơ quan đơn vị, địa phương rà soát, đảm bảo chặt chẽ về số liệu, tránh việc trình cấp thẩm quyền điều chỉnh kinh phí này nhiều lần. | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát, đảm bảo chặt chẽ về số liệu.</p>  |  |
|  |  | - Đề nghị chỉ đạo các Sở, ngành chủ động phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương, rà soát nhu cầu sử dụng vốn của các dự án thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương rà soát nhu cầu sử dụng vốn của các dự án thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn và phân đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra; đồng thời chỉ đạo các các đơn vị, địa phương được bổ sung kế hoạch</p>   |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>vụ Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, nhất là kế hoạch vốn năm 2022. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương được bổ sung kế hoạch vốn phải cam kết và chịu trách nhiệm đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được phân bổ theo đúng quy định.</p>   | <p>vốn có cam kết và chịu trách nhiệm giải ngân hết kế hoạch vốn được phân bổ theo quy định.</p>   |  |
|  | <p>- Tại kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022<sup>26</sup>, đề nghị tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2023 chưa phân bổ<sup>27</sup> đảm bảo khớp đúng, đồng bộ, bám sát Nghị quyết sửa đổi, bổ sung trình tại kỳ họp thứ 5, quy định của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương. Đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu các nội dung điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án, điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung số liệu đảm bảo khớp đúng, đồng bộ, bám sát quy định của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương; đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu các nội dung điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án, điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn.</p> <p><b>Đối với việc phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 chưa phân bổ</b>, trên cơ sở dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết các nội dung như sau:</p> <p>a) Phân bổ <b>65.419 triệu đồng</b> vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa phân bổ chi tiết (<i>tập trung tại ngân sách tỉnh</i>), cụ thể nội dung bổ sung tại dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>- Bổ sung 01 Điều: <b>Điều 2. Thống nhất phân bổ 65.419 triệu đồng vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</b></p> |  |

<sup>26</sup> Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

<sup>27</sup> Theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, hiện còn 65.419 triệu đồng vốn sự nghiệp đang tập trung tại tỉnh.

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>- Bổ sung 01 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết: Phụ lục X (<i>phân bổ chi tiết 65.419 triệu đồng nêu trên</i>).</p> <p>b) Điều chỉnh giảm <b>14.966 triệu đồng</b> kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương (<i>năm 2022: 6.394 triệu đồng; năm 2023: 8.572 triệu đồng</i>) đã phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Tiểu dự án 2<sup>(28)</sup>, Dự án 3<sup>(29)</sup> để bổ sung cho huyện Tu Mơ Rông triển khai Tiểu dự án 2, Dự án 3.</p> <p>Điều chỉnh giảm <b>3.701 triệu đồng</b> kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (<i>năm 2022: 990 triệu đồng; năm 2023: 2.711 triệu đồng</i>) đã phân bổ Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3 để bổ sung cho Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông triển khai Tiểu dự án 2, Dự án 3.</p> <p>Cụ thể nội dung điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>- Điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 1: “<i>a) Điều chỉnh dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Phụ lục V kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum: Tại Phụ lục I kèm theo.</i>”.</p> <p>- Điều chỉnh điểm b khoản 2 Điều 1: “<i>b) Điều chỉnh dự toán ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Phụ lục V kèm theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum: Tại Phụ lục VI kèm theo.</i>”.</p> <p>c) Điều chỉnh giảm <b>1.200 triệu đồng</b> kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 đã phân bổ Sở Nội vụ thực hiện Nội dung 1</p> |
|--|--|--|--|

<sup>(28)</sup> Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

<sup>(29)</sup> Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

|  |  |   |  |  |
|--|--|---|--|--|
|  |  |   | <p>(<i>Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số</i>) của Tiểu dự án 2, Dự án 5 để bổ sung cho Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Nội dung 1 (<i>Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số</i>) của Tiểu dự án 2, Dự án 5.</p> <p>Các nội dung điều chỉnh kế hoạch vốn nêu trên cụ thể tại Phụ lục I, VI kèm theo dự thảo Nghị quyết để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>  |  |
|  |  | <p>Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định, trong đó để phù hợp với việc bổ sung nội dung phân bổ kế hoạch vốn năm 2023 chưa phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển,... Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh, bổ sung dự thảo Nghị quyết các nội dung như sau:</p> <p>a) Về tên gọi dự thảo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh, biên tập tên dự thảo Nghị quyết để đảm bảo bao quát các nội dung, cụ thể: <b>“Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 và phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Kon Tum”</b>.</p> <p>b) Đối với nội dung điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án, sau khi rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cập nhật vào dự thảo Nghị quyết danh mục dự án đầu tư năm 2022, 2023 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại Phụ lục IV, IX, cụ thể:</p> <p>- Tại Phụ lục IV (<i>về danh mục dự án đầu tư năm 2022</i>):</p> <p>(1) Dự án 3<sup>(30)</sup>: Đưa ra khỏi danh mục dự án đầu tư đối với 03 dự án ((i) <i>Cải tạo cơ sở hạ tầng về: điện, nước, nhà xưởng...</i>; (ii) <i>Đường giao thông kết nối cấp V miền núi</i>; (iii) <i>Cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua</i></p> |  |

<sup>(30)</sup> Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

|          |   |  |                   |
|----------|---|--|-------------------|
|          |   | <p><i>sắm trang thiết bị</i>) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bổ sung 01 dự án ((i) <i>Trung tâm giống dược liệu quý</i>) của huyện Tu Mơ Rông.</p> <p>(2) Tiểu dự án 1<sup>(31)</sup>, Dự án 4<sup>(32)</sup>: Đưa ra khỏi danh mục dự án đầu tư 01 dự án ((i) <i>Nâng cấp tuyến đường liên xã Ngọk Wang đi xã Ngọk Réo</i>) và bổ sung 03 dự án ((i) <i>Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Ngọk Wang</i>; (ii) <i>Nâng cấp tuyến đường đến trung tâm xã Ngọk Réo</i>; (iii) <i>Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Đăk Ui</i>) của huyện Đăk Hà.</p> <p>- Tại Phụ lục IX (về danh mục dự án đầu tư năm 2023):</p> <p>(1) Dự án 3: Đưa ra khỏi danh mục dự án đầu tư đối với 03 dự án ((i) <i>Cải tạo cơ sở hạ tầng về: điện, nước, nhà xưởng...</i>; (ii) <i>Đường giao thông kết nối cấp V miền núi</i>; (iii) <i>Cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị</i>) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bổ sung 01 dự án ((i) <i>Trung tâm giống dược liệu quý</i>) của huyện Tu Mơ Rông.</p> <p>(2) Tiểu dự án 1, Dự án 4: Bổ sung 03 dự án ((i) <i>Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Ngọk Wang</i>; (ii) <i>Nâng cấp tuyến đường đến trung tâm xã Ngọk Réo</i>; (iii) <i>Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Đăk Ui</i>) của huyện Đăk Hà.</p> |                   |
| <b>9</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b>  |  | <b>Thông nhất</b> |
|          | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:</p> <p>- Đề nghị biên tập gộp điểm a và điểm b khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết; đồng thời biên tập mức hỗ trợ bám sát quy định tại Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021, khoản 7 Điều 4 Thông tư số 82/2022/TT-BTC</p> | <p>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết<sup>(33)</sup> như sau:</p> <p>“Điều 2. <i>Mức hỗ trợ</i></p> <p><i>Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được hưởng mức hỗ trợ 360.000 đồng/tháng/người.</i></p>  |                   |

<sup>(31)</sup> Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

<sup>(32)</sup> Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

<sup>(33)</sup> Đã tham khảo các nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành, cụ thể như: Nghị quyết số 69/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 Quy định mức hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tự thực ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021-2026.

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>ngày 30 tháng 12 năm 2022. Riêng nội dung quy định “mức hỗ trợ được tính theo số ngày thực tế”, đề nghị nghiên cứu, đề xuất quy định cho phù hợp tình hình thực tế, đồng bộ với các nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành.</p>  | <p><i>Trường hợp người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn thực hiện dưới 15 ngày trong 01 tháng thì mức hỗ trợ bằng ½ tháng, trường hợp từ 15 ngày trở lên thì mức hỗ trợ bằng 01 tháng”.</i></p> |  |
|  | <p>- Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bỏ nội dung quy định “<b>thời gian được hưởng hỗ trợ</b>”.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết (<i>điều chỉnh bỏ khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định “thời gian được hưởng hỗ trợ”</i>).</p>                        |  |
|  | <p>- Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó, xem xét biên tập gộp Điều 4 và Điều 5 dự thảo Nghị quyết:<br/> <b>“Điều 4. Tổ chức thực hiện</b><br/> 1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.<br/> 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.<br/> 3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.<br/> Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ..... tháng .... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng .... năm 2023./.”</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.</p>  |  |

|    |   |   |
|----|---|---|
| 10 | <b>Dự thảo Nghị quyết phân bổ vốn hỗ trợ phát triển hợp tác xã trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum</b>   | Thông nhất  |
|    | <p>- Đề nghị báo cáo rõ nguyên nhân vì sao đến nay Ủy ban nhân dân tỉnh mới trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn hỗ trợ hợp tác xã trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện, trong khi Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng chính phủ ban hành từ cuối năm 2020 (<i>Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ</i>). Trách nhiệm các cơ quan đơn vị có liên quan.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Mặc dù Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 từ cuối năm 2020 (<i>Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ</i>) nhưng đến tháng 5 và tháng 6 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới có các văn bản hướng dẫn (<i>Văn bản số 2710/BKHĐT-HTX ngày 12 tháng 5 năm 2021</i><sup>(34)</sup> và <i>văn bản số 22/PTHTX-TH ngày 07 tháng 6 năm 2021</i><sup>(35)</sup>) và yêu cầu các địa phương chủ động phân bổ từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý (<i>vốn NSTW, NSDP, vốn hợp pháp khác</i>) để thực hiện Chương trình này. Trung ương không xây dựng, ban hành một Chương trình riêng và hỗ trợ riêng cho các địa phương ngoài số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ giao.</p> <p>Tuy nhiên, vì Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quá trễ và trong lúc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đang trình cấp thẩm quyền cho ý kiến, phê duyệt nên việc xây dựng phương án phân bổ ngay tại thời điểm đó là không khả thi. Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dành một phần từ nguồn cân đối ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ Hợp tác xã nói chung theo Chương trình nêu trên; với khả năng cân đối của tỉnh còn hạn hẹp nên để ở mức 15 tỷ đồng.</p> <p>Triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, đăng ký nhu cầu hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể hợp tác xã (<i>Văn bản số 2640/SKHĐT-DN ngày 31 tháng 8 năm 2022</i>) làm cơ sở dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét vào Kỳ họp thứ 4 vào cuối năm 2022. Tuy nhiên, vì một số địa phương đăng ký không đảm bảo thời gian và hồ sơ, thông tin yêu</p> |

<sup>(34)</sup> Bố trí vốn hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

<sup>(35)</sup> Chuẩn bị các dự án hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  |  | <p>cầu nên chưa thể tổng hợp, tham mưu trình tại Kỳ họp này (<i>huyện Kon Plông chưa đăng ký, còn một số huyện đăng ký chậm, chưa rõ đầy đủ thông tin hỗ trợ</i>).</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát nhu cầu hỗ trợ (<i>Văn bản số 588/SKHĐT-DN ngày 08 tháng 3 năm 2023</i>) và đề nghị các Sở ban ngành có liên quan phối hợp rà soát tham mưu (<i>Văn bản số 832/SKHĐT-DN ngày 30 tháng 3 năm 2023</i>). Do đó, tại Kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh mới đảm bảo đầy đủ thủ tục, hồ sơ và phương án trình phân bổ.</p> <p>Mặt khác, số vốn hỗ trợ cho các Hợp tác xã là không lớn (<i>cả trung hạn bố trí 15 tỷ đồng cho 10 huyện, thành phố</i>), trong khi vẫn còn kế hoạch năm 2024, 2025 nên việc phân bổ kế hoạch trung hạn tại Kỳ họp này là cũng không trễ và đủ thời gian, thủ tục để các địa phương thực hiện trong 2 năm 2024, 2025.</p> |  |
|  |  | <p>- Số lượng, quy mô, mô hình hoạt động của các Hợp tác xã trên địa bàn các huyện, thành phố là khác nhau, việc đề xuất phân bổ đồng đều giữa các huyện, thành phố có phù hợp với yêu cầu rà soát theo nhu cầu đăng ký từ các hợp tác xã và chính quyền địa phương đã thực hiện đánh giá xét duyệt cụ thể nhu cầu cần hỗ trợ không<sup>(36)</sup>? Đề nghị báo cáo rõ thêm.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 chỉ hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp. Đa số các hợp tác xã này hoạt có quy mô nhỏ và số lượng hợp tác xã đang hoạt động giữa các huyện chênh lệch không nhiều (<i>bình quân có khoảng 15 hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn các huyện, thành phố<sup>(37)</sup></i>).</p> <p>Nguồn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chỉ hỗ trợ 01 phần kinh phí để hỗ trợ Hợp tác xã điểm (<i>đảm bảo các điều kiện theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg</i>) tại địa phương. Các đơn vị địa phương chủ động, cân đối từ nguồn hợp pháp khác (<i>các nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, đối ứng của hợp tác xã, ...</i>) để bổ sung, triển khai theo quy định.</p>                       |  |

<sup>36</sup> Việc xét duyệt nhu cầu cầu hỗ trợ, xác định Hợp tác xã đảm bảo điều kiện hỗ trợ để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, bên cạnh đó xem xét cân đối, bố trí lồng ghép, đối ứng các nguồn vốn khác trên địa bàn cho phù hợp.

<sup>(37)</sup> Thành phố Kon Tum 19 Hợp tác xã; huyện Đăk Hà 17 Hợp tác xã; huyện Sa Thầy 16 Hợp tác xã; huyện Kon Rẫy 09 Hợp tác xã; huyện Kon Plông 19 Hợp tác xã; huyện Đăk Tô 16 Hợp tác xã; huyện Ngọc Hồi 12 Hợp tác xã; huyện Tu Mơ Rông 17 Hợp tác xã; huyện Đăk Glei 14 Hợp tác xã; huyện Ia H'Drai 14 Hợp tác xã.

|           |  |  |            |
|-----------|--|--|------------|
|           | - Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trong đó, xem xét điều chỉnh tên gọi Nghị quyết đảm bảo theo đúng tên nhiệm vụ trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết như sau: “ <i>Nghị quyết Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum</i> ”; đồng thời, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét theo quy định.   |            |
| <b>11</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum</b>  |  | Thống nhất |
|           | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:<br>1. Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết ( <i>sửa đổi, bổ sung Điều 4</i> ).<br>- Đề nghị biên tập bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 thành: “ a) <i>Trụ sở làm việc...</i> ” cho phù hợp quy định tại khoản 3, Điều 3 Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 <sup>(38)</sup> .  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại khoản 2 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND) như sau:<br>“ <i>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:</i><br>“ <i>Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công</i><br><i>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các tài sản công sau đây:</i><br><i>a) Trụ sở làm việc.</i><br><i>b) Xe ô tô các loại và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).”</i> ” |            |
|           | - Để tránh trùng lặp quy định thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại khoản 2, khoản 4, Điều 4 với quy định tại khoản 2, khoản 4, Điều 8 và khoản 2, Điều 5 với quy định tại khoản 2, Điều 9 dự thảo Nghị quyết, đề nghị rà soát biên tập lại cho phù hợp.<br>- Để làm rõ thẩm quyền quyết định mua sắm của thủ trưởng đơn vị không có đơn vị trực thuộc tại khoản 4. Đề nghị bổ sung cụm từ | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại khoản 2 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND) và khoản 3 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND) như sau:<br>“ <i>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:</i><br>“ <i>Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công</i>  |            |

<sup>38</sup> “3. *Trụ sở làm việc* là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.”

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  | <p>“(không có đơn vị trực thuộc)” và biên tập lại là: “4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (không có đơn vị trực thuộc)...”</p>  | <p>1....</p> <p>2. Thủ trưởng <u>các cơ quan nhà nước, tổ chức cấp tỉnh</u> (đơn vị dự toán cấp 1) căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho <u>cơ quan mình và các cơ quan trực thuộc</u> có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).</p> <p>3....</p> <p>4. Thủ trưởng <u>các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh</u> (không có đơn vị trực thuộc), Thủ trưởng các <u>cơ quan, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh</u> và Thủ trưởng các <u>cơ quan, tổ chức cấp huyện</u>, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho <u>cơ quan mình</u> có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).”</p> <p>...</p> <p><b>3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:</b></p> <p>“Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước</p> <p>1....</p> <p>2. Thủ trưởng <u>các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh</u> (đơn vị dự toán cấp 1) quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của <u>cơ quan mình và các cơ quan trực thuộc</u> (trừ loại tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).”</p> |  |
|  |  | <p>2. Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo nghị quyết (sửa đổi, bổ sung Điều 8): Đề nghị biên tập bổ sung điểm a khoản 1 Điều 8 thành “a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp...” cho phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 3 Luật quản lý, sử dụng tài</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại khoản 5 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND) như sau:</p> <p>“5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:</p>  |  |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | sản công năm 2017 <sup>(39)</sup> .   | <p>“Điều 8. <i>Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)</i></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các tài sản công sau đây:</p> <p>a) <u>Cơ sở hoạt động sự nghiệp.</u></p> <p>b) <u>Xe ô tô các loại và các phương tiện vận tải khác có động cơ (trừ xe mô tô, xe gắn máy).”</u></p>    |  |
|  | 3. Tại khoản 7 Điều 1 dự thảo nghị quyết ( <i>sửa đổi, bổ sung Điều 10</i> ): Tên gọi của Điều 10 trùng với tên gọi tại Điều 6. Đề nghị bổ sung và biên tập lại tên gọi Điều 10 là: <b>“Điều 10. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập tại các đơn vị sự nghiệp công lập”</b> . | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại khoản 7 Điều 1 (<i>sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND</i>); cụ thể:</p> <p>7. <i>Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:</i></p> <p><u>“Điều 10. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập”</u></p> |  |
|  | 4. Đề nghị rà soát, biên tập thống nhất các cụm từ “ <i>cấp huyện</i> ” và “ <i>các huyện, thành phố</i> ” <sup>(40)</sup> ; đơn vị tính “ <i>.../01 đơn vị tài sản</i> ” và “ <i>.../đơn vị tài sản</i> ” trong dự thảo nghị quyết.  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>  |  |
|  | 5. Để làm rõ nguồn kinh phí ( <i>nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài chính hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị</i> ) được sử dụng mua sắm tài sản công và đồng bộ với quy định tại khoản 3 Điều   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại khoản 2 Điều 1 (<i>sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND</i>) và khoản 5 Điều 1 (<i>sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND</i>) như sau:</p> <p>2. <i>Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:</i></p>                                 |  |

<sup>39</sup> “4. *Cơ sở hoạt động sự nghiệp* là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập.”

<sup>40</sup> Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 20 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ “c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Trường hợp phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công thì thực hiện theo nguyên tắc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ngành thuộc địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã, giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | <p>1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC<sup>(41)</sup>, đề nghị điều chỉnh bổ sung và biên tập lại cho phù hợp.</p> | <p><b>“Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công</b></p> <p>...2. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) căn cứ <u>dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác</u> và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho cơ quan mình và các cơ quan trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ <u>dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác</u> và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên cho các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý cấp huyện (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).</p> <p>4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (không có đơn vị trực thuộc), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ <u>dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác</u> và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho cơ quan mình có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).”</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:</p> |  |
|--|---|--|--|

<sup>(41)</sup> **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Căn cứ dự toán chi ngân sách hàng năm (bao gồm cả dự toán bổ sung trong năm), **nguồn tài chính hợp pháp khác** của cơ quan, đơn vị và Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ của cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đúng quy định.”

|  |  |   |   |  |
|--|--|---|---|--|
|  |  |   | <p>“Điều 8. <u>Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)</u></p> <p>...2. <u>Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho đơn vị mình và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).</u></p> <p>3. <u>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý cấp huyện (trừ các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).</u></p> <p>4. <u>Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc) và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện căn cứ dự toán được cơ quan có thẩm quyền giao, nguồn tài chính hợp pháp khác và tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định mua sắm máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác cho đơn vị mình có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).”</u></p> |  |
|  |  | <p>6. Đề nghị cơ quan trình tiếp thu, giải trình; rà soát, bổ sung và chỉnh lý hoàn thiện dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh</p>  |  |

| 12 | <b>Dự thảo Nghị quyết về dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Kon Tum</b>  |   | Thông nhất |
|----|--|---|------------|
|    | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân một số dự án đến nay chưa giải ngân, chậm giải ngân, tỷ lệ giải ngân không cao.</li> </ul>                           | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Một số dự án đến nay chưa giải ngân, chậm giải ngân, tỷ lệ giải ngân không cao do một số nguyên nhân cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, yêu cầu chuyên đổi còn phức tạp, phải xin nhiều cấp, ý kiến nhiều bộ, ngành, chưa tạo sự chủ động cho địa phương, làm mất rất nhiều thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ chung triển khai thực hiện dự án.</li> <li>- Nhiều dự án triển khai trên địa bàn tỉnh vướng mắc chủ yếu là do công tác giải phóng mặt bằng, trong đó vướng mắc chủ yếu liên quan đến xác định nguồn gốc đất, kiểm kê, kê khai để phân loại đất đền bù, lựa chọn các vị trí để lập quy hoạch, hoàn thiện thủ tục xây dựng khu tái định cư; việc xây dựng giá đất cụ thể bảo đảm đúng quy định của pháp luật cũng như hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và người dân, quy trình thủ tục trình phê duyệt phương án bồi thường.</li> <li>- Một số dự án khởi công mới, trong những tháng đầu năm chủ đầu tư chủ yếu hoàn thiện thủ tục trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, công tác đấu thầu,..</li> <li>- Thời gian qua, nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện cân đối hàng năm còn khó khăn, chủ yếu là các dự án sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất bố trí còn hạn hẹp, do không đảm bảo nguồn thu tiền sử dụng đất vì thị trường bất động sản gần như “đóng băng”, dẫn đến các dự án sử dụng từ nguồn thu tiền sử dụng đất được bố trí kế hoạch hàng năm nhưng nguồn thu không đảm bảo để thông báo chi tiết theo kế hoạch.</li> </ul> |            |
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo đánh giá, ước nguồn thu ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2023 đạt thấp, nhất là nguồn thu từ tiền sử dụng đất. Việc xây dựng kế hoạch vốn dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2024 cao hơn năm 2023 có phù hợp</li> </ul> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Trong 06 tháng đầu năm 2023, nguồn thu sử dụng đất đạt thấp do các dự án đang triển khai các bước hồ sơ, thủ tục theo quy trình trước khi tổ chức bán đấu giá theo quy định, do đó dự kiến sẽ phát sinh nguồn thu vào các tháng cuối năm</p>  |            |

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | với tình hình thực tế không. Đề nghị báo cáo làm rõ.  | 2023. Dự kiến số thu tiền sử dụng đất năm 2024 được xác định trên cơ sở số liệu dự kiến về Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 3 năm (2023-2025) tỉnh Kon Tum và phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng thu tiền đất theo Kế hoạch kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.   |  |
|  | - Đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở để xác định nguồn vốn sự nghiệp 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và việc đưa vào kế hoạch đầu tư công năm 2024 có phù hợp không?                  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Công văn số 4460/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần: Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ từng dự án thành phần cho các địa phương; đề xuất vốn cân đối từ ngân sách trung ương (bao gồm vốn đầu tư, vốn thường xuyên) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.</li> <li>+ Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến các mục tiêu, chỉ tiêu theo từng chương trình; đề xuất nhu cầu vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương (bao gồm vốn đầu tư, vốn thường xuyên).</li> </ul> </li> </ul> <p>Đến nay, các cơ quan Trung ương chủ chương trình mục tiêu quốc gia chưa thông báo dự kiến vốn ngân sách trung ương (bao gồm vốn đầu tư, vốn thường xuyên) năm 2024 cho địa phương; để kịp thời xây dựng kế hoạch năm 2024 theo tiến độ yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nên trước mắt kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024 được xác định trên cơ sở nhu cầu của địa phương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện lại dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024, theo đó, không tổng hợp nguồn vốn sự nghiệp vào kế hoạch đầu tư công năm 2024.</li> </ul> |  |
|  | Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đã bố trí trong năm 2023, nhất là kế hoạch vốn năm 2022 được Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đã bố trí trong năm 2023, nhất là kế hoạch vốn năm 2022 được Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép kéo dài thời gian thực</p>   |  |

|           |   |  |  |            |
|-----------|---|--|--|------------|
|           |   | ngân vốn kế hoạch đầu tư công sang năm 2023; Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương, đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án trong việc kiểm tra, giám sát, kịp thời trình cấp thẩm quyền điều chỉnh nguồn vốn cho phù hợp.   | hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công sang năm 2023; Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương, đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án trong việc kiểm tra, giám sát, kịp thời trình cấp thẩm quyền điều chỉnh nguồn vốn cho phù hợp.  |            |
|           |   | - Tiếp tục rà soát tất cả các dự án, công trình ( <i>cấp tỉnh quản lý</i> ) thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, xây dựng phương án phân bổ cho phù hợp với thời gian khởi công, mức vốn dự kiến hàng năm theo quy định. Đối với các dự án đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, căn cứ tiến độ thu, rà soát tổng hợp trình cấp thẩm quyền phân bổ cho phù hợp. | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục rà soát tất cả các dự án, công trình ( <i>cấp tỉnh quản lý</i> ) thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, xây dựng phương án phân bổ cho phù hợp với thời gian khởi công, mức vốn dự kiến hàng năm theo quy định. Đối với các dự án đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, căn cứ tiến độ thu, rà soát tổng hợp trình cấp thẩm quyền phân bổ cho phù hợp.   |            |
| <b>13</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án đảm bảo Trụ sở làm việc Công an xã thuộc Công an tỉnh Kon Tum</b> |  |  | Thông nhất |
|           | <b>a</b>  | <b><i>Đối với dự thảo Nghị quyết</i></b>   |  |            |
|           |   | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:<br>1. Đối với dự thảo Nghị quyết<br>- Đề nghị xem xét biên tập tên gọi dự thảo Nghị quyết: <b><i>“Thông qua Đề án Đảm bảo Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum”</i></b> .   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết như sau: <b><i>“Thông qua Đề án đảm bảo Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum”</i></b>  |            |
|           |   | - Biên tập tiêu đề Điều 1 cho phù hợp, đồng thời bổ sung một số nội dung chủ yếu của Đề án vào dự thảo Nghị quyết, đảm bảo ngắn gọn, bao quát nội dung.  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, điều chỉnh tiêu đề Điều 1 như sau: <b><i>“Thông qua Đề án đảm bảo Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum, với những nội dung chính sau đây”</i></b> ; đồng thời đã bổ sung một số nội dung chủ yếu của Đề án vào dự thảo Nghị quyết, đảm bảo ngắn gọn, bao quát nội dung, như sau:<br><b><i>“Điều 1. Thông qua Đề án đảm bảo Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum</i></b> |            |

**1. Quan điểm:**

- Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Công an về xây dựng lực lượng Công an nhân dân nói chung, lực lượng Công an xã nói riêng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng công tác Công an xã, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn cơ sở.

- Kết hợp hài hòa giữa kế thừa ổn định với đổi mới phát triển, phù hợp thực tế từng đơn vị trong xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác cho lực lượng Công an xã.

**2. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa, thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII, Nghị quyết số 12-NQ/ĐUCA ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Đảng ủy Công an Trung ương, Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2023 Chính phủ ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ-TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị, Chương trình số 36-CTr/TU ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum, Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy, Kế hoạch số 3533/KH-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

- Đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác cho Công an cấp xã để lực lượng Công an xã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước và Bộ Công an giao trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại địa bàn cơ sở và theo đúng tinh thần xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh,

|          |  |   |  |
|----------|--|---|--|
|          |  | <p>chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.</p> <p>- Đảm bảo Trụ sở làm việc cho 100% Công an xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Nghị quyết số 12-NQ/ĐUCA ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Đảng ủy Công an Trung ương và Chương trình số 36-CTr/TU ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum</p> <p><b>3. Kinh phí thực hiện Đề án:</b></p> <p>a) <i>Kinh phí:</i> Chi phí đầu tư xây dựng 01 Trụ sở làm việc Công an xã là 2,158 tỷ đồng</p> <p>b) <i>Tổng mức đầu tư:</i> 2,158 tỷ đồng/trụ sở x 61 trụ sở = 131,628 tỷ đồng (<i>Một trăm ba mươi một tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn</i>) (Chưa tính chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng; cổng, tường rào).</p> <p>* Đối với chi phí bồi thường Giải phóng mặt bằng (nếu có); xây dựng các hạng mục cổng, tường rào: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện bằng nguồn Ngân sách cấp huyện theo phân cấp.</p> <p>c) <i>Nguồn vốn, Chủ đầu tư, thời gian và phân kỳ đầu tư:</i></p> <p>- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trong đó: Ngân sách tỉnh bố trí thực hiện đầu tư Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn. Ngân sách huyện thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; xây dựng cổng, tường rào.</p> <p>- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian thực hiện Đề án 03 năm: 2023, 2024 và 2025.<br/>(<i>Có Đề án chi tiết kèm theo.</i>)”</p> |  |
|          | - Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh và bổ sung nội dung sau: “1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.”. | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, điều chỉnh tiêu đề Điều 1 như sau: “ <i>Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật</i> ”  |  |
| <b>b</b> | <b>Đối với dự thảo Đề án</b>   |   |  |
|          | - Đề nghị báo cáo rõ thêm về cơ cấu nguồn vốn thực hiện Đề án ( <i>Ngân sách Trung ương có hỗ</i>  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tổng nhu cầu đầu tư 61 trụ sở công an xã là 131.628 triệu đồng ( <i>khoảng 2.158 triệu đồng/trụ sở,</i>  |  |

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>trợ không?), khả năng cân đối nguồn kinh phí thực hiện và biên tập cho phù hợp; có phương án bố trí nguồn ngân sách địa phương đảm bảo thực hiện Đề án đúng tiến độ, đạt hiệu quả.</p>   | <p><i>chưa bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng; công tường rào). Trong đó, nguồn vốn ngân sách tỉnh (từ nguồn kinh phí dự kiến hỗ trợ xây dựng Trụ sở làm việc Công an tỉnh theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 933-CV/TU ngày 09 tháng 5 năm 2023) bố trí 131.628 triệu đồng để thực hiện đầu tư xây dựng 61 trụ sở nội dung này đã được Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất cho chủ trương tại Công văn số 956-CV/TU ngày 12 tháng 6 năm 2023.</i></p> <p>Đối với phần vốn hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; xây dựng công tường rào: Đề nghị ngân sách cấp huyện bố trí hỗ trợ.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh lại cơ cấu nguồn vốn để thực hiện đề án như sau:</p> <p><i>“- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trong đó, ngân sách tỉnh bố trí thực hiện đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn; ngân sách cấp huyện bố trí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, xây dựng công tường rào.”</i></p> |  |
|  | <p>- Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện theo phân cấp, đề nghị xác định các hạng mục đầu tư cho phù hợp, đồng bộ, đảm bảo khả năng cân đối. Chỉ đạo các địa phương xác định, bố trí quỹ đất thực hiện dự án đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế; rà soát bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động bố trí nguồn vốn, quỹ đất thực hiện dự án đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định, phù hợp với tình hình thực tế; rà soát bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định. Đồng thời điều chỉnh nội dung tại mục 6, Phần III Đề án như sau: <i>“Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum và các đơn vị có liên quan: Có trách nhiệm bố trí đất sạch để xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã; bổ sung hoàn thiện các thủ tục về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, các loại quy hoạch khác có liên quan và các thủ tục về điều chuyển tài sản (nếu có) đối với các vị trí đất giới thiệu, bố trí cho Công an xã, thị trấn. Bố trí ngân sách cấp huyện theo phân cấp thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) và đầu tư xây dựng các hạng mục: Công, tường rào đảm bảo đồng bộ, phù hợp với quá trình triển khai thực hiện Đề án.”</i></p>  |  |

|           |  |  |            |
|-----------|--|--|------------|
|           | - Chỉ đạo rà soát, kiểm tra số liệu, nội dung, cập nhật bổ sung và hoàn thiện Đề án trước khi phê duyệt.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát số liệu, nội dung và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.   |            |
|           | - Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trong đó, xem xét biên tập lại bố cục nội dung Đề án cho phù hợp, tránh trùng lặp giữa các mục trong Đề án.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban   |            |
| <b>14</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư và bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum đối với dự án: Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 23/3 -23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia</b>  |  | Thông nhất |
|           | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:<br>1. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngày 27 tháng 02 năm 2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/QĐ-TTg về danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng (thay thế Quyết định 82/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ). Theo đó, dự án nêu trên không thuộc danh mục bí mật nhà nước; đồng thời, dự án không sử dụng nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức <sup>(42)</sup> nên không xác định độ mật. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, nhận thấy: | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Trong quá trình triển khai lập dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham vấn ý kiến của các Bộ có liên quan. Theo đó, tại Công văn số 354/BQP-TM ngày 13 tháng 02 năm 2023 <sup>45</sup> , Bộ Quốc phòng có ý kiến về xác định độ mật của dự án Kè chống sạt lở bờ suối biên giới trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia như sau: “ <i>Do các thông tin, số liệu, bản đồ phân giới cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (trong phần tổng số 84% toàn tuyến biên giới đã thực hiện) đã được công bố công khai là không mật.</i> ”<br>Tại Công văn số 112/UBBG-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023 <sup>46</sup> , Ủy ban biên giới quốc gia (Bộ Ngoại giao) xác định “ <i>Việc phân loại, xác định độ mật của dự án đầu tư, trong đó có Dự án Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 23/3 - 23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam</i> |            |

<sup>42</sup> Công văn số 176/VPCP-NC ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 229/TTr-BNG-UBBG-m ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Bộ Ngoại giao về việc xin chủ trương kè, gia cố, sửa chữa và kè chống xói lở bờ sông, suối trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia; Tờ trình số 432/TTr-BKHĐT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chủ trương kè, gia cố, sửa chữa mốc và kè chống xói lở bờ sông, suối trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, Công văn số 2339/VPCP-NC ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về việc chủ trương kè, gia cố, chống xói lở bảo vệ cột mốc trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia; Công văn số 2313/BNG-UBBG-m ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Bộ ngoại giao.

<sup>45</sup> v/v thực hiện các dự án đầu tư phát triển KT-XH liên quan đến vùng CT229 và khu vực biên giới tỉnh Kon Tum.

<sup>46</sup> về việc xác định độ mật của dự án/hồ sơ dự án kè chống sạt lở bờ suối biên giới trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia.

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>- Việc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ căn cứ vào Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 về danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng và không đề cập đến Quyết định số 1178/QĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ<sup>43</sup> và Văn bản số 112/UBBG-PT ngày 13/4/2023 của Ủy ban Biên giới<sup>44</sup> là chưa đảm bảo. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xác định và khẳng định dự án trên không thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có cơ sở xem xét, quyết định; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu; việc xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước về công tác báo cáo, đề xuất chủ trương, lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.</p> | <p>- <i>Campuchia như đề nghị của Quý Ban Chỉ đạo<sup>47</sup> không thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Ngoại giao. Do đó, đề nghị Quý Ban chỉ đạo căn cứ theo Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và thống kê và hướng dẫn chi tiết của các cơ quan liên quan như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để thực hiện</i>”.</p> <p>Qua rà soát các nội dung quy định tại Quyết định số 1141/QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ<sup>48</sup> thì dự án Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 23/3 - 23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia không thuộc danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và thống kê.</p> <p>Bên cạnh đó, hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 về danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng (có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 02 năm 2023 và thay thế Quyết định số 82/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng), theo đó dự án Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 23/3 - 23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia <b>không có trong danh mục bảo vệ bí mật nhà nước</b> tại Quyết định nêu trên.</p> <p>Từ những cơ sở đã phân tích nêu trên thì dự án Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 23/3 - 23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia không là dự án mật theo quy định hiện hành.</p> |  |
|  | <p>2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết:<br/>- Đề nghị báo cáo làm rõ khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân đến việc chậm triển khai thực hiện dự án phải điều chỉnh thời gian thực hiện,</p>  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Quá trình khảo sát, lập các hồ sơ, thủ tục phê duyệt dự án phải rà soát, thực hiện kỹ lưỡng vì đây dự án liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực như xây dựng, tài nguyên môi trường, đối ngoại, quốc phòng, an ninh,...; bên cạnh đó, dự án được</p>   |  |

<sup>43</sup> Quyết định số 1178/QĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về việc ban hành danh mục bí mật nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại và hội nhập quốc tế

<sup>44</sup> Văn bản số 112/UBBG-PT ngày 13/4/2023 của Ủy ban Biên giới về việc xác định độ mật/hồ sơ dự án kè chống sạt lở bờ suối biên giới trên biên giới đất liền VN-CPC

<sup>47</sup> Trên cơ sở đề nghị của Ban chỉ đạo công tác biên giới tỉnh tại Công văn số 06/BCĐ-TCV-m ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc cho ý kiến đối với việc xác định độ mật của dự án/hồ sơ dự án kè chống sạt lở bờ suối biên giới trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia.

<sup>48</sup> Ban hành danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và thống kê.

|           |  |   |            |
|-----------|--|---|------------|
|           | tiến độ thực hiện.   | thực hiện tại khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia; do đó, việc thực hiện các thủ tục đầu tư tốn khá nhiều thời gian. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai lập dự án phải chờ có ý kiến tham vấn của các bộ, ngành Trung ương về chế độ mật của dự án, cụ thể: Bộ Quốc phòng tại Công văn số 354/BQP-TM ngày 13 tháng 02 năm 2023; Cục An ninh chính trị nội bộ (Bộ Công an) tại Công văn số 8126/A03-P9 ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Ủy ban biên giới quốc gia (Bộ Ngoại giao) tại Công văn số 112/UBBG-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023 dẫn đến việc chậm triển khai thực hiện dự án phải điều chỉnh thời gian thực hiện, tiến độ thực hiện. |            |
|           | - Đề nghị bổ sung báo cáo thẩm định việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ.  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ ( <i>có Báo cáo số 118/BC-SKHĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Báo cáo kết quả thẩm định dự án kèm theo</i> ).  |            |
|           | - Chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.  |            |
| <b>15</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết về phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025</b>  |   | Thông nhất |
|           | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:<br>- Chỉ đạo các Sở, ngành và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải ngân kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định, đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng vốn, phân đầu hoàn thành mục tiêu đã đề ra; trường hợp không còn nhiệm vụ chi, phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định. | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện, phát huy hiệu quả sử dụng vốn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn và phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu và nhiệm vụ các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định; đồng thời chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong trường hợp không còn nhiệm vụ chi, thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định.                            |            |

|           |  |  |            |
|-----------|--|--|------------|
|           | - Tiếp tục rà soát số liệu đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ, khớp đúng với nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022, 2023 ( <i>đang trình đồng thời tại Kỳ họp thứ 5, Hội đồng nhân dân tỉnh</i> ); đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình.  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục rà soát số liệu đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ, khớp đúng với nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022, 2023 ( <i>Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Kỳ họp thứ 5 tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023</i> ); đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình.   |            |
|           | - Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định.  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.   |            |
| <b>16</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi đặc thù đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b>   | <b>Thù đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b>  | Thống nhất |
|           | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:<br>- Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính: “... <i>Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương...</i> ” quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BTC. Tuy nhiên, qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, Ban nhận thấy cơ quan trình chỉ mới xây dựng một số mức chi đặc thù đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu các ý kiến này, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị quyết là: “ <b>Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b> ”. Khi chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị quyết như trên, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã chỉnh lý phạm vi điều chỉnh của dự thảo; bổ sung vào Điều 2 dự thảo Nghị quyết 01 khoản để quy định mức chi khác ( <i>ngoài các mức chi đặc thù được quy định khoản 2 Điều 2 dự thảo</i> ) đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh <sup>(49)</sup> .<br><br>Bên cạnh việc chỉnh lý tên gọi, phạm vi điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã bổ sung đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết theo đúng Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách, phù hợp với quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC và thực tiễn của địa phương; bổ |            |

<sup>(49)</sup> Các mức chi này được thực hiện theo một số Nghị quyết tương ứng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành như: Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; chi công tác phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND; Chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND...

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>địa bàn tỉnh Kon Tum (<i>nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BTC</i>) là chưa đầy đủ theo quy định. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu bổ sung đầy đủ nội dung và điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.</p> <p>- Tương tự như trên, về phạm vi điều chỉnh (<i>khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết</i>). Đề nghị cơ quan trình điều chỉnh lại cho phù hợp với tên gọi và nội dung nghị quyết.</p> <p>- Về đối tượng áp dụng (<i>khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết</i>). Đề nghị bám sát Thông tư số 09/2023/TT-BTC và cụ thể hóa các đối tượng tại địa phương.</p> <p>- Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung đầy đủ các mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BTC.</p> <p>- Tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định: “4. <u>Việc tự kiểm tra</u> văn bản, rà soát văn bản tại khoản 1 Điều 2 Thông tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương, địa phương <u>được vận dụng</u> nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4, Phụ lục Thông tư này để thực hiện.”. Đề nghị nghiên cứu, rà soát xem xét bổ sung dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.</p> <p>- Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ</p> | <p>sung quy định về mức chi cho việc tự kiểm tra văn bản, rà soát văn bản theo khoản 1 Điều 2 Thông tư số 09/2023/TT-BTC; rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, cụ thể:</p> <p>- Về phạm vi điều chỉnh (khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết): 1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Về đối tượng áp dụng (khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết): a) Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp; các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch; c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết:</p> <p><b>Điều 2. Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</b></p> <p>1. Mức chi chung trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành. Cụ thể như sau:</p> <p>a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản) được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp</p> |  |
|--|--|---|--|

dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

b) Chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

c) Chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương và toàn tỉnh về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

d) Chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

|  |  |  |   |
|--|--|--|---|
|  |  |  | <p>đ) Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;</p> <p>e) Chi hợp đồng có thời hạn với công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng;</p> <p>g) Chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự thảo văn bản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Nghị quyết số 93/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p> <p>2. Mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.</p> <p>3. Việc tự kiểm tra văn bản, rà soát văn bản của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và rà soát văn bản khi phát sinh căn cứ rà soát theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được vận dụng mức chi quy định tại Nghị quyết này để thực hiện.</p> |
|--|--|--|---|

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  |  | <p>4. Các nội dung khác có liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan.</p>   |  |
|  |  | <p>- Tại điểm a mục 3 Phụ lục kèm theo dự thảo nghị quyết có quy định cụ thể về mức chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã. Các nội dung khác không quy định. Đề nghị báo cáo làm rõ: (1) các nội dung khác có thuộc chức năng của cấp huyện, cấp xã không? (2) Trong trường hợp các mức chi đặc thù quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho cấp huyện, cấp xã thì có đảm bảo tính khả thi, khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp không?</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản (<i>điểm a mục 3 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết</i>) được phân chia thành mức chi cho từng cấp. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh: 5,6 triệu đồng;</li> <li>+ Báo cáo kết quả của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập: 2,4 triệu đồng;</li> <li>+ Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập: 1,2 triệu đồng.</li> </ul> </li> </ul> <p>Việc phân chia này phù hợp với quy định của Thông tư số 09/2023/TT-BTC, hợp lý và được căn cứ vào tính chất, phạm vi của các báo cáo (<i>Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh được tổng hợp từ báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện được tổng hợp từ báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã...</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoài các nội dung chi tại điểm a mục 3 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết, các mức chi khác như chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ</li> </ul> |  |

|    |  |   |            |
|----|--|---|------------|
|    |  | <p>thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; Chi kiểm tra văn bản...được thực hiện thống nhất cho ba cấp (<i>tỉnh, huyện xã</i>).</p> <p>Việc quy định thống nhất mức chi này là phù hợp vì tính chất công việc của ba cấp là tương đồng. Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chỉ ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong một số ít trường hợp<sup>(50)</sup>. Do vậy, số lượng văn bản được ban hành trong năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã là không lớn<sup>(51)</sup>. Điều này dẫn đến số lượng văn bản phải kiểm tra, rà soát không lớn và mức chi như dự thảo, không ảnh hưởng lớn tới ngân sách của cấp huyện, cấp xã. Ngoài ra, khi dự thảo được gửi lấy ý kiến tham gia của chính quyền các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn, các ý kiến tham nhất trí với mức chi được dự kiến. Như vậy, việc quy định mức chi như dự thảo là đảm bảo tính khả thi của quy định.</p> |            |
| 17 | <b>Dự thảo Nghị quyết danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b>  |   | Thông nhất |
|    | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:</p> <p>- Đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân về việc không trình danh mục các dự án cần thu hồi đất tại Kỳ họp chuyên đề tháng 4 năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Để chuẩn bị nội dung trình Kỳ họp chuyên đề tháng 4 năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan khẩn trương rà soát hoàn thiện hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất (bổ sung) năm 2023;</p>  |            |

<sup>(50)</sup> Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: "1. Hội đồng nhân dân cấp huyện ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc để thực hiện việc phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước cấp dưới theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao." .

<sup>(51)</sup> Trong 6 tháng đầu năm 2023 các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh ban hành 41 văn bản. Trong đó: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành 34 văn bản quy phạm pháp luật (gồm: 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và 32 Quyết định của Ủy ban nhân dân); Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành 07 văn bản quy phạm pháp luật (gồm: 07 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và 0 Quyết định của Ủy ban nhân dân).

|           |  |  |            |
|-----------|--|--|------------|
|           |  | tuy nhiên công tác rà soát, phối hợp của các đơn vị chưa chặt chẽ, dẫn đến một số công trình, dự án của các địa phương chưa được cập nhật đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp chuyên đề tháng 4 năm 2023 thông qua; bên cạnh đó có một số công trình đến tháng 5 năm 2023 mới được các địa phương bố trí vốn, do đó tại kỳ họp tháng 4 năm 2023 chưa đủ cơ sở đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Tiếp thu ý kiến của BKTNS, trong thời gian đến, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan tăng cường công tác phối hợp trong việc rà soát, chuẩn bị các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh. |            |
|           | - Rà soát, cập nhật đồng bộ các văn bản làm căn cứ pháp lý.  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát, cập nhật đồng bộ các văn bản làm căn cứ pháp lý trong dự thảo Nghị quyết.   |            |
|           | - Chỉ đạo rà soát, cập nhật các vị trí thu hồi đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong hồ sơ trình tại kỳ họp và căn cứ pháp lý của các dự án theo quy định của pháp luật.. | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát, cập nhật các vị trí thu hồi đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.  |            |
|           | - Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định  | Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định   |            |
| <b>18</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Kon Tum (bổ sung)</b>   |  | Thống nhất |
|           | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:<br>- Theo nội dung trình, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho chủ trương chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn thiện lại dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể:  |            |

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  | <p>hiện 01 dự án<sup>(52)</sup>, không có chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ. Vì vậy đề nghị biên tập một số nội dung sau:</p> <p>+ Biên tập lại tên gọi Nghị quyết cho phù hợp với nội dung trình.</p> <p>+ Biên tập lại tiêu đề Điều 1 cho phù hợp với nội dung trình.</p> <p>+ Điều chỉnh bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, cụ thể: “2. Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ vào mục đích khác là: 0 dự án/0 ha.”</p> | <p>+ Tên gọi dự thảo Nghị quyết sau khi hoàn thiện: <b>Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</b></p> <p>+ Tiêu đề Điều 1 dự thảo Nghị quyết sau khi hoàn thiện: <b>Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b></p> <p>+ Điều chỉnh bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, đã bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 1; nội dung tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết sau khi hoàn thiện là:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng số các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác là: 01 dự án/1,46 ha.<br/>(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)</li> <li>2. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉ đạo rà soát nhu cầu thực tế, xác định vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.</li> </ol> |  |
|  |  | <p>- Chỉ đạo rà soát, cập nhật các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu trong hồ sơ trình tại kỳ họp và căn cứ pháp lý của các dự án theo quy định của pháp luật.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát, cập nhật các vị trí thu hồi đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.</p>  |  |
|  |  | <p>- Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</p>  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định</p>  |  |

<sup>52</sup> Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

| 19 | Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh  | Quy định mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai  | Thông nhất |
|----|--|---|------------|
|    | <p>Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:</p> <p>- Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:</p> <p>+ Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (<i>phạm vi điều chỉnh</i>): Đề nghị rà soát, điều chỉnh phạm vi áp dụng chính sách phù hợp với phạm vi thực hiện của Quyết định 590/QĐ-TTg và tình hình thực tế tại địa phương (<i>không dẫn chiếu Quyết định 590/QĐ-TTg trong phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết</i>); xác định thời hạn thực hiện Nghị quyết cho phù hợp.</p> | <p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, bổ sung và hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách như sau:</p> <p><b>1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p>- <b>Tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa và biên tập hoàn chỉnh các nội dung theo ý kiến thẩm tra tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (Phạm vi điều chỉnh) như sau:</b> “<i>Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cho một số nội dung để thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư tại các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng); đặc biệt khó khăn (thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước); biên giới; vùng dân di cư tự do đến đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum</i>”</p>  |            |
|    | <p>+ Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (<i>đối tượng áp dụng</i>): Đề nghị rà soát các đối tượng hỗ trợ quy định trong dự thảo Nghị quyết đảm bảo đầy đủ; tách đối tượng hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất...; đồng thời biên tập ngắn gọn nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1.</p>   | <p>- <b>Tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa và biên tập hoàn chỉnh các nội dung theo ý kiến thẩm tra tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (đối tượng áp dụng) như sau</b></p> <p>“<i>a) Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét.</i></li> <li>- <i>Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.</i></li> <li>- <i>Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.</i></li> <li>- <i>Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền.</i></li> <li>- <i>Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình,</i></li> </ul> |            |

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  |  | <p><i>cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.</i></p> <p><i>b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan”.</i></p>   |  |
|  |  | <p>- Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết: Trên cơ sở thảo luận của đại biểu dự họp, đề nghị xem xét một số nội dung sau:</p> <p>+ Biên tập gộp khoản 1 và khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết; đồng thời rà soát, biên tập lại các nội dung, đối tượng, mức hỗ trợ cho phù hợp, trong đó biên tập lại nội dung bố trí dân cư theo hình thức bố trí dân cư tập trung và xem xét hình thức xen ghép.</p> | <p><b>2. Tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa và biên tập hoàn chỉnh các nội dung “nội dung và mức hỗ trợ” theo ý kiến thẩm tra như sau:</b></p> <p><b>- Biên tập gộp khoản 1 và khoản 2 “thành” khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết</b></p> <p><i>“ 1. Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân thực hiện bố trí, ổn định dân cư theo hình thức tập trung, xen ghép thuộc đối tượng của Chương trình, bao gồm: Di chuyển người và tài sản; lương thực:</i></p> <p><i>a) Hỗ trợ di chuyển người và tài sản</i></p> <p><i>- Hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở do thiên tai; hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai; hộ gia đình ở vùng đặc biệt khó khăn; hộ gia đình, đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài: Di chuyển trong huyện mức hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ; di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ 23 triệu đồng/hộ; di chuyển ngoài tỉnh mức hỗ trợ 25 triệu đồng/hộ.</i></p> <p><i>- Hộ gia đình được bố trí ổn định ở các xã biên giới đất liền: Di chuyển đến thôn, làng giáp biên giới (bao gồm di chuyển từ các xã trong huyện, từ các huyện trong tỉnh đến thôn, làng giáp biên giới), mức hỗ trợ là 35 triệu đồng/hộ; đến thôn, làng khác (không giáp biên giới: bao gồm di chuyển từ các xã trong huyện, từ các huyện trong tỉnh đến thôn, làng không giáp biên giới), mức hỗ trợ là 30 triệu đồng/hộ.</i></p> <p><i>- Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30 triệu đồng/hộ.</i></p> <p><i>b) Hỗ trợ lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư là 15kg gạo/người/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng.</i></p> |  |

|           |  |   |            |
|-----------|--|---|------------|
|           | + Biên tập lại khoản 3 về nội dung hỗ trợ theo hướng cụ thể, dễ thực hiện và phù hợp với thực tế.  | - <b>Biên tập lại khoản 3“thành”</b> khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết:<br>2. <i>Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ được hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ để nâng cấp nhà ở và vật dụng phòng, chống thiên tai khác.</i> |            |
|           | - Về nguồn kinh phí thực hiện, đề nghị nghiên cứu rà soát biên tập đảm bảo ngắn gọn, chặt chẽ và phù hợp tình hình thực tế của địa phương.   | <b>3. Tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa và biên tập hoàn chỉnh</b> các nội dung theo ý kiến thẩm tra, biên tập như sau: “ <i>Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác</i> ”.  |            |
|           | - Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó, rà soát biên tập thống nhất đơn vị tính; biên tập tên gọi dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. | <b>4. Tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện</b> dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và hoàn chỉnh tên dự thảo Nghị quyết “ <i>Nghị quyết Quy định một số mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum</i> ”.               |            |
| <b>20</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết “Mức hỗ trợ cụ thể từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và một (01) dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”</b>            |   | Thống nhất |
|           | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:<br><br>1. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Về định mức hỗ trợ được xây dựng bám theo quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ, tuy nhiên để đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với các quy định Trung ương <sup>(53)</sup> , tình hình thực tế của địa phương <sup>(54)</sup>                                |            |

<sup>53</sup> Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ; Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ y tế; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 1486/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ y tế

<sup>54</sup> Qua khảo sát việc xây dựng các dự án/kế hoạch thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất theo các chuỗi thực hiện trên địa bàn tỉnh, đối với các dự án do cấp tỉnh (các Sở, ngành cấp tỉnh thực hiện trên địa bàn 02 huyện, thành phố) khoảng 3 tỷ đồng/dự án, kế hoạch; các địa phương bố trí khoảng 01 tỷ - 1,5 tỷ đồng/dự án, kế hoạch. Các địa phương đã phân bổ cho các UBND các xã để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng khoảng 400 triệu đồng - 600 triệu đồng.

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “<i>Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22...</i>”.</p> <p>Trên cơ sở đó, cơ quan phê duyệt dự án, phương án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Như vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ ban hành Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện (01) dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất (mức trần) để cơ quan phê duyệt dự án làm cơ sở quyết định mức hỗ trợ cụ thể (tỷ lệ %). Đề nghị báo cáo làm rõ và đề xuất định mức hỗ trợ cho 01 (một) dự án, kế hoạch, phương án cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế địa phương.</p> | <p>và tham khảo một số địa phương<sup>(55)</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất và biên tập Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p><b>“Điều 2. Định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước</b></p> <p>1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:</p> <p>a) Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết, nhưng không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch.</p> <p>b) Đối với địa bàn khó khăn: Hỗ trợ không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết, nhưng không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch.</p> <p>c) Đối với địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia: Hỗ trợ không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết, nhưng không quá 3.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch.</p> <p>d) Riêng Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện Dự án Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao: định mức hỗ trợ theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, nhưng tỷ lệ hỗ trợ theo từng địa bàn quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.</p> <p>2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:</p> <p>a) Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ không quá 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án, phương án.</p> <p>b) Đối với địa bàn khó khăn: Hỗ trợ không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án, phương án.</p> |  |
|--|--|---|--|

<sup>55</sup> Tham khảo mức quy định của các tỉnh lân cận, có tính chất tương đồng như tỉnh Kon Tum, quy định mức hỗ trợ một (01) dự án từ 02 tỷ - 05 tỷ đồng/01 dự án liên kết tiêu thụ sản phẩm (Cụ thể: tỉnh Nghệ An quy định mức 05 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết; tỉnh Quảng Ngãi quy định mức hỗ trợ từ 02 tỷ - 05 tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết tùy khu vực khó khăn; tỉnh Trà Vinh quy định mức hỗ trợ: 03 tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết. Quy định mức hỗ trợ không quá 600 triệu đồng/dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng).

|  |  |  |   |  |
|--|--|--|---|--|
|  |  |  | <p>c) Đối với địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia: Hỗ trợ không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án, phương án.”</p>  |  |
|  |  | <p>2. Hiện nay, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trong đó, quy định định mức hỗ trợ một dự án, cụ thể: “4. Dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp: Hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; hỗ trợ tối đa 70% một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; hỗ trợ tối đa 50% một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”. Việc ban hành định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị sẽ bị trùng lặp với chính sách đã ban hành. Vì vậy cần xem xét:</p> <p>- Bãi bỏ nội dung đã được quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND để tránh trùng lặp.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b></p> <p>1. Tiếp thu và biên tập bổ sung khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>“3. Bãi bỏ khoản khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.</p> <p>2. Tiếp thu và biên tập bổ sung khoản 4 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>"4. Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được phê duyệt, áp dụng mức hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND."</p> |  |

|  |  |   |  |  |
|--|--|---|--|--|
|  |  | - Xem xét bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp để đảm bảo việc hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (đã quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022) được triển khai đồng bộ.  |  |  |
|  |  | 3. Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (phạm vi điều chỉnh), đề nghị biên tập đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b><br>Tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:<br>“1. Phạm vi điều chỉnh<br>Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; thực hiện một (01) dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.” |  |
|  |  | 4. Đối với các nội dung quy định cụm từ “dịch vụ của cộng đồng” trong dự thảo Nghị quyết, đề nghị xem xét biên tập cho phù hợp, vì khoản 11 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ) đã định nghĩa cụ thể cụm từ “Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng”. | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu và điều chỉnh cụm từ “Hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ của cộng đồng” thành “Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng” trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết.  |  |
|  |  | 5. Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở pháp lý để HĐND tỉnh quy định nội dung “3. Mức hỗ trợ cụ thể từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện một (01)  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu và điều chỉnh bỏ khoản 3 Điều 2 trong dự thảo Nghị quyết   |  |

|           |  |   |  |            |
|-----------|--|---|--|------------|
|           |  | <i>dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; thực hiện một (01) dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng do cơ quan phê duyệt dự án, phương án quyết định nhưng không vượt quá mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.</i> ”. Ban nhận thấy việc quy định nêu trên trùng lặp với quy định tại khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27 và trùng lặp với định mức đã nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 2. Đề nghị nghiên cứu biên tập bổ nội dung này. |  |            |
|           |  | 6. Sau khi Nghị quyết ban hành, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn có hướng dẫn cụ thể cho từng chương trình đề đơn vị, địa phương thuận tiện trong việc triển khai thực hiện.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo cơ quan chuyên môn có hướng dẫn cụ thể cho từng chương trình, dự án đề đơn vị, địa phương thuận tiện trong việc triển khai thực hiện.   |            |
|           |  | 7. Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó, biên tập tên gọi dự thảo Nghị quyết; điều khoản qui định dẫn chiếu cho phù hợp.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu rà soát, biên tập hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.<br>Đồng thời, biên tập lại tên gọi dự thảo Nghị quyết như sau:<br><b>“Quy định định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”</b> |            |
| <b>21</b> | <b>Dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b> |   |  | Thống nhất |
|           |  | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:  | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Sở Giáo dục và Đào tạo có Báo cáo số 241/BC-   |            |

|    | <p>- Báo cáo tình hình thu học phí năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh; khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình áp dụng mức thu học phí theo phân vùng tại Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>   | <p>SGDDT ngày 16 tháng 5 năm 2023 về tình hình thực hiện chính sách học phí năm học 2022-2023 và quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (kèm theo).</p>  |        |         |                     |  |  |        |        |        |   |         |        |        |        |   |                 |        |        |        |  |
|----|---|---|--------|---------|---------------------|--|--|--------|--------|--------|---|---------|--------|--------|--------|---|-----------------|--------|--------|--------|--|
|    | <p>- Việc đề xuất 02 phương án thu học phí như dự thảo Nghị quyết là không phù hợp, đề nghị chỉ đạo rà soát và ban hành một mức thu học phí đối với từng cấp học áp dụng cho năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo bỏ Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết<sup>56</sup></p>  |        |         |                     |  |  |        |        |        |   |         |        |        |        |   |                 |        |        |        |  |
|    | <p>- Thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ<sup>(57)</sup>, năm học 2022 - 2023, tỉnh Kon Tum không ban hành mức thu học phí theo khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ mà giữ nguyên mức học phí của năm học 2021 - 2022, do đó mức học phí năm học 2022 - 2023 thấp hơn so với khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Năm học 2023 - 2024, nếu thực hiện điều chỉnh tăng theo tỷ lệ quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (không quá 7,5%/năm) thì mức học phí năm học 2023 - 2024 vẫn thấp hơn mức sàn quy</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo biên tập lại mức thu tại Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết bằng mức thu năm học 2022-2023 được ban hành tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 70/2022/NQ-HĐND (vùng 3 là thấp nhất theo mức sàn Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) như sau:</p> <p>1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên</p> <p>Đơn vị: đồng/học sinh/tháng</p> <table border="1" data-bbox="943 986 1928 1230"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Cấp học</th> <th colspan="3">Vùng và mức học phí</th> </tr> <tr> <th>Vùng 1</th> <th>Vùng 2</th> <th>Vùng 3</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Mầm non</td> <td>70.000</td> <td>60.000</td> <td>50.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trung học cơ sở</td> <td>90.000</td> <td>70.000</td> <td>50.000</td> </tr> </tbody> </table> | TT     | Cấp học | Vùng và mức học phí |  |  | Vùng 1 | Vùng 2 | Vùng 3 | 1 | Mầm non | 70.000 | 60.000 | 50.000 | 2 | Trung học cơ sở | 90.000 | 70.000 | 50.000 |  |
| TT | Cấp học   | Vùng và mức học phí   |        |         |                     |  |  |        |        |        |   |         |        |        |        |   |                 |        |        |        |  |
|    |   | Vùng 1  | Vùng 2 | Vùng 3  |                     |  |  |        |        |        |   |         |        |        |        |   |                 |        |        |        |  |
| 1  | Mầm non   | 70.000  | 60.000 | 50.000  |                     |  |  |        |        |        |   |         |        |        |        |   |                 |        |        |        |  |
| 2  | Trung học cơ sở   | 90.000  | 70.000 | 50.000  |                     |  |  |        |        |        |   |         |        |        |        |   |                 |        |        |        |  |

<sup>56</sup> **Đã tiếp thu không đưa vào Nghị quyết:** “3. Trường hợp sau khi Nghị quyết này được ban hành nhưng có quy định của cơ quan, người có thẩm quyền về chưa tăng mức thu học phí năm học 2023-2024 hoặc điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, thì mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên của năm học 2023-2024 như sau:...”

<sup>(57)</sup> 1. Đối với học phí của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập:

a) Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương.

|    |   |   |                     |         |         |         |            |
|----|---|---|---------------------|---------|---------|---------|------------|
|    | định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP <sup>(58)</sup> . Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tính toán, đề xuất mức học phí cho phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, khả năng chi trả của người dân, đảm bảo hài hòa giữa thu và nộp học phí.   | 3   | Trung học phổ thông | 140.000 | 120.000 | 100.000 |            |
|    | - Nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập, thu nộp học phí, đề nghị xem xét bổ sung thêm tại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết nội dung quy định đối với trường hợp cấp thẩm quyền công nhận các xã (thuộc vùng 3) đạt chuẩn nông thôn mới trong năm học.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, biên tập lại điểm d khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau: “d) Trong trường hợp các xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì áp dụng mức học phí theo địa bàn vùng 2 quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này. Trường hợp các xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trong năm học 2023 - 2024 thì mức thu học phí tiếp tục thực hiện theo địa bàn vùng 3 quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này cho đến hết năm học.” |                     |         |         |         |            |
|    | - Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.   |                     |         |         |         |            |
| 22 | <b>Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum"</b> |   |                     |         |         |         | Thông nhất |
|    | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và làm rõ một số nội dung sau:<br>- Tại khoản 2 dự thảo Nghị quyết “ <i>Sửa đổi, bổ sung mục 2 (Tiểu dự án 2) của Phụ lục 3</i> ”: Đề   | <b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b><br><b>1. Lý do điều chỉnh bổ “huyện Đắk Glei” trong định mức phân bổ vốn sự nghiệp để Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:</b>  |                     |         |         |         |            |

<sup>58</sup> Mức học phí năm học 2023 - 2024 (vùng 3)/mức sàn Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: Mầm non 27.000 đồng/50.000 đồng; Trung học cơ sở 21.000 đồng/50.000 đồng; Trung học phổ thông 27.000 đồng/100.000 đồng.

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>ng nghị làm rõ nguyên nhân điều chỉnh bỏ “huyện Đăk Glei” trong định mức phân bổ vốn sự nghiệp để Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; vì huyện Đăk Glei là một trong những địa phương nằm trong Đề án đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến 2030. Hiện nay kế hoạch vốn năm 2022, 2023 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ cho huyện Đăk Glei thực hiện nhiệm vụ nêu trên, đề nghị báo cáo tiến độ giải ngân vốn và hướng xử lý khi điều chỉnh lại định mức phân bổ.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ Quyết định số 1353/QĐ-BYT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ Y tế<sup>59</sup>; trong đó có nội dung giao chỉ tiêu phát triển 04 trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao và <b><i>phạm vi triển khai dự án: Vùng Tây Nguyên 01 Trung tâm tại tỉnh Kon Tum.</i></b></li> <li>- Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Bộ Y tế<sup>60</sup>; hướng dẫn <b><i>phạm vi cụ thể tại Vùng 3: Tây Nguyên 01 Trung tâm giống (Kon Tum)</i></b> và 03 Vùng trồng dược liệu quý (<i>Gia Lai, Đăk Lăk, Đăk Nông</i>).</li> <li>- Căn cứ Thông báo số 02/TB-YDCT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Cục Y dược cổ truyền, Bộ Y tế<sup>61</sup>; trong đó, có nội dung đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum nghiên cứu kỹ đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về địa bàn (xã, huyện) triển khai dự án Trung tâm nhân giống cây dược liệu đã gửi Ủy ban Dân tộc<sup>62</sup> để xác định địa điểm triển khai dự án Trung tâm nhân giống cây dược liệu công nghệ cao tại huyện Tu Mơ Rông phù hợp với nội dung đã đề xuất và đã được Ủy ban Dân tộc sử dụng làm căn cứ xây dựng Báo cáo khả thi và trình Hội đồng thẩm định Quốc gia.</li> <li>- Theo Văn bản số 1645/BYT-YDCT ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Bộ Y tế<sup>63</sup>; theo đó, Bộ Y tế trả lời tỉnh Ninh Thuận nội dung kiến nghị về địa bàn để đầu tư dự án dược liệu quý trên địa bàn tỉnh: “...<i>đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận lựa chọn địa bàn thực hiện dự án theo đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi Ủy ban Dân tộc; Công văn số 1770/UBNDT-HTQT ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc đề xuất triển khai dự án hạng mục “Đầu tư vùng trồng dược liệu quý” thuộc</i></li> </ul> |  |
|--|--|--|--|

<sup>59</sup> về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nội dung đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình.

<sup>60</sup> Về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

<sup>61</sup> Về kết quả làm việc về công tác khảo sát, đánh giá phát triển vùng trồng dược liệu quý tại tỉnh Kon Tum.

<sup>62</sup> Theo Công văn số 1770/UBNDT-HTQT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Dân tộc

<sup>63</sup> Về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ntrong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia gia đoạn 2021-2025, trong đó trả lời tỉnh Ninh Thuận về nội dung liên quan “...*về địa bàn để đầu tư dự án dược liệu quý trên địa bàn tỉnh*”.

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  | <p><i>Chương trình, để tránh đầu tư nhỏ lẻ, manh mún và hình thành vùng trồng dược liệu tập trung, bền vững hiệu quả để thu hút được Doanh nghiệp đủ năng lực đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn 01 huyện để triển khai dự án”</i></p> <p><b>Vì vậy, điều chỉnh bỏ “huyện Đăk Glei”</b> trong định mức phân bổ vốn sự nghiệp Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý để tập trung nguồn vốn triển khai dự án Trung tâm nhân giống cây dược liệu tại huyện Tu Mơ Rông là đảm bảo theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế và đề xuất của tỉnh tại Văn bản số 3700/UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và mục tiêu của Chương trình.</p> <p>Đồng thời, để đảm bảo đồng bộ với quy định, hướng dẫn của Trung ương<sup>(64)</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh biên tập nội dung điểm b tiết 2.1 khoản 2 Phụ lục 3 kèm theo Nghị quyết số 21 như sau: “b) Phân bổ vốn cho Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông 100% tổng số vốn của tiểu dự án để thực hiện Dự án Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao.”</p> <p><b>2. Về tiến độ giải ngân vốn</b></p> <p>- <b>Vốn Đầu tư:</b> Năm 2022, năm 2023 phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 14.966 triệu đồng (<i>Năm 2022: 6.394 triệu đồng, năm 2023: 8.572 triệu đồng</i>); <b>đến tại thời điểm báo cáo tỷ lệ giải ngân 0%.</b></p> <p>- <b>Vốn sự nghiệp:</b> Theo Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei về kinh phí giao cho huyện để thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý<sup>65</sup>: Năm 2022, 2023 giao 3.701 triệu đồng,</p> |  |
|--|--|--|--|--|

<sup>64</sup> Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

<sup>65</sup> Tại Báo cáo số 309/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 về Báo cáo tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023 -2025 và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>huyện đang giao cho các đơn vị làm chủ đầu tư thực hiện quy trình phê duyệt 03 dự án hỗ trợ phát triển vùng được liệt kê cho các xã có điều kiện (Mường Hoong, Ngọc Linh, Xốp), <b>đến tại thời điểm báo cáo tỷ lệ giải ngân 0%.</b></p> <p><b>3. Về hướng xử lý khi điều chỉnh lại định mức phân bổ:</b> Đối với dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và năm 2023 đã phân bổ thực hiện nội dung Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3: 18.677 triệu đồng, trong đó: a) Điều chỉnh giảm vốn đầu tư phát triển Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: <b>14.966 triệu đồng.</b> b) Điều chỉnh giảm vốn sự nghiệp huyện Đắk Glei: <b>3.701 triệu đồng.</b> c) Điều chỉnh tăng huyện Tu Mơ Rông: <b>18.677 triệu đồng</b> (trong đó: <i>Vốn đầu tư phát triển: 14.966 triệu đồng và vốn sự nghiệp: 3.701 triệu đồng</i>)</p>  |  |
|  |  | <p>- Tại khoản 3 dự thảo Nghị quyết “<i>Sửa đổi, bổ sung khoản 2.2, mục 2 (Tiểu dự án 2) của Phụ lục 5</i>”:</p> <p>+ Báo cáo làm rõ cơ sở quy định nội dung “<i>Phân bổ không quá 46,4% tổng số vốn của tiểu dự án để thực hiện Nội dung 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số và Phân bổ không quá 53,6% tổng số vốn của tiểu dự án để thực hiện Nội dung 02: Đào tạo đại học, sau đại học</i>”. Đề nghị xem xét nội dung này trong dự thảo Nghị quyết để đồng bộ với các quy định của Trung ương và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.</p> <p>+ Về việc điều chỉnh tỷ lệ phân bổ kế hoạch vốn “<i>Đào tạo đại học, sau đại học</i>” cho Sở Nội vụ. Đề nghị rà soát, cân nhắc việc điều chỉnh</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát và báo cáo làm rõ một số nội dung sau:</p> <p>a) Căn cứ Văn bản số 343/UBND-CTMTQG ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về rà soát phương án phân bổ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; theo đó giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 5 là 33.304 triệu đồng (giai đoạn 2021-2025 và hàng năm trung ương không phân bổ chi tiết từng nội dung trong tiểu dự án). Do vậy, việc đề xuất quy định nội dung trên trong giai đoạn 2021-2025 nhằm để phân biệt cụ thể kinh phí từng nội dung để thuận lợi trong quá trình phân bổ vốn hàng năm.</p> <p>Tuy nhiên qua rà soát: Tại tiết a, điểm 2.2, khoản 2 Phụ lục 5 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ<sup>67</sup> không quy định nội dung này. Để đảm bảo đồng bộ với các</p> |  |

<sup>67</sup> Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>tỷ lệ này cho phù hợp vì hiện nay Chính phủ đang dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022; Ủy ban dân tộc đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022<sup>(66)</sup> liên quan đến một số nội dung tại Tiêu dự án 2 Dự án 5.</p> | <p>quy định của Trung ương và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện theo ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh bỏ nội dung này tại khoản 2.2, mục 2 (Tiêu dự án 2) dự thảo Nghị quyết.</p> <p>b) Qua nghiên cứu các quy định có liên quan (Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nội vụ<sup>68</sup>; Nghị định số 141/2020/NĐ-CP của Chính phủ<sup>69</sup> và dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc), Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 2.2, mục 2 (Tiêu dự án 2) của Phụ lục 5, như sau:</p> <p>“2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp</p> <p>a) Nội dung 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 100% tổng số vốn nội dung số 01 của tiêu dự án (Ban Dân tộc không quá 44%, Công an tỉnh không quá 15% để thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 41% để thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc và bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số).</li> <li>- Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.</li> </ul> <p>b) Nội dung 02: Đào tạo đại học, sau đại học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: 100% tổng số vốn nội dung số 02 của tiêu dự án (Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 90,2% để thực hiện nội dung đào tạo đại học; Sở Nội vụ không quá 9,8% để thực hiện nội dung đào tạo sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số).</li> </ul> |  |
|--|--|---|--|

<sup>66</sup> Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

<sup>68</sup> Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

<sup>69</sup> Về chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>- Tại khoản 3 dự thảo Nghị quyết “<i>Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 3.2, mục 3 (Tiểu dự án 3) của Phụ lục 5</i>”: Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, kế hoạch vốn năm 2022, 2023 đã phân bổ cho các huyện, thành phố triển khai thực hiện và vẫn đang giải ngân cho nhiệm vụ đào tạo nghề cho người lao động, tuy nhiên vì nhu cầu đăng ký học nghề tại các địa phương chưa đảm bảo mục tiêu đã phê duyệt và đơn giá về định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp chưa được cấp thẩm quyền ban hành nên khó khăn trong việc đặt hàng đào tạo nghề, giải ngân vốn. Vì vậy nên cân nhắc, tính toán việc đề nghị điều chỉnh giảm tỷ lệ phân bổ cho các huyện, thành phố và giao về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại kỳ họp này (<i>bởi lẽ nếu phân bổ về Sở thì sẽ không có khả năng giải ngân</i>); đề nghị chỉ đạo rà soát đánh giá xác định cụ thể mục tiêu, nội dung hỗ trợ, cơ quan đơn vị quản lý nguồn vốn... cho Tiểu dự án này, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh <b>bổ</b> nội dung khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết “4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 3.2, mục 3 (Tiểu dự án 3) của Phụ lục 5</p> <p>3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp</p> <p>a) Phân bổ vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Không quá 68,2% tổng số vốn của tiểu dự án.”</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo, rà soát đánh giá xác định cụ thể mục tiêu, nội dung hỗ trợ, cơ quan đơn vị quản lý nguồn vốn... cho Tiểu dự án này và sẽ đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp.</p> |  |
|  | <p>- Khẩn trương rà soát trình cấp thẩm quyền điều chỉnh Kế hoạch trung hạn, hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tạo cơ sở đơn vị được phân bổ vốn kịp thời triển khai thực hiện.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan khẩn trương rà soát trình cấp thẩm quyền điều chỉnh Kế hoạch trung hạn, hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tạo cơ sở đơn vị được phân bổ vốn kịp thời triển khai thực hiện.</p>  |  |
|  | <p>- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát lại các tiểu dự án, dự án giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia để tránh chồng chéo, trùng lặp,</p>  | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát lại các tiểu dự án, dự án giữa các Chương trình mục</p>  |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. Chỉ đạo chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí, bảo đảm việc thực hiện dự án hiệu quả, đúng tiến độ, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành.</p>  | <p>tiêu quốc gia để tránh chồng chéo, trùng lặp, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. Chỉ đạo chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí, bảo đảm việc thực hiện dự án hiệu quả, đúng tiến độ, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành.</p>  |  |
|  | <p>- Đề nghị khẩn trương chỉ đạo rà soát, đánh giá đúng mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; trường hợp không còn nhiệm vụ chi, phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định<sup>(70)</sup> và báo cáo, kiến nghị Trung ương xem xét điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn trung hạn cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p>   | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương chỉ đạo Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, đánh giá đúng mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh và trường hợp không còn nhiệm vụ chi, phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định và báo cáo, kiến nghị Trung ương xem xét điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn trung hạn cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p>   |  |
|  | <p>- Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó xem xét:<br/>+ Biên tập bỏ khoản 2 Điều 2 (Điều khoản thi hành): “Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế”, vì nội dung này đã được quy định tại Nghị quyết số</p> | <p><b>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</b> Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sau khi rà soát lại kế hoạch vốn đã phân bổ năm 2022 và năm 2023 và các nội dung tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh biên tập lại Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p><b>“Điều 2. Tổ chức thực hiện</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.</li> <li>2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện.</li> <li>3. Đối với kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ theo quy định của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND để thực hiện các dự án, tiểu dự án, và đã có khối lượng thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị</li> </ol> |  |

<sup>70</sup> Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước.

|  |   |   |  |
|--|---|---|--|
|  | <p>21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022.</p> <p>+ Đề nghị xem xét điều chỉnh bỏ khoản 3 Điều 2 (Điều khoản thi hành): “Đối với vốn ngân sách nhà nước chưa được phân bổ của năm 2023 và vốn ngân sách nhà nước từ năm 2024 trở đi thực hiện phân bổ theo quy định của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum và quy định tại Nghị quyết này.”.</p> <p>+ Nghiên cứu điều chỉnh nội dung khoản 4 Điều 2 cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị địa phương thực hiện các nội dung điều chỉnh tại Nghị quyết này triển khai thực hiện đồng bộ. Riêng Tiểu dự án 2, Dự án 3, phân bổ kế hoạch vốn năm 2022, 2023 theo quy định tại Nghị quyết này.</p> <p>+ Rà soát, biên tập lại Điều 2 dự thảo Nghị quyết cho đồng bộ về thể thức, kỹ thuật trình bày, nội dung theo quy định.</p> | <p>quyết số 21/2022/NQ-HĐND. Riêng nội dung điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 và năm 2023 để thực hiện nội dung Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.</p> <p>4. Đối với kế hoạch vốn năm 2023 đã phân bổ theo quy định của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND để thực hiện các dự án, tiểu dự án, nhưng chưa triển khai, chưa có khối lượng thực hiện thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này”.</p> |  |
|--|---|---|--|